

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2026/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 19 tháng 10 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh áp dụng từ ngày 01/01/2026 ban hành kèm theo Nghị quyết số 152/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của HĐND tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về giá đất được sửa đổi bổ sung một số điều bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp và phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 803/TTr-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 198/BC-KTNS ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh áp dụng từ ngày 01/01/2026 ban hành kèm theo Nghị quyết số 152/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 152/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Bổ sung giá đất một số vị trí, tuyến đường tại Bảng số 05: Đất ở theo Phụ lục I.

2. Bổ sung giá đất một số vị trí, tuyến đường tại Bảng số 06: Đất thương mại, dịch vụ theo Phụ lục II.

3. Bổ sung giá đất một số vị trí, tuyến đường tại Bảng số 07: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo Phụ lục III.

4. Điều chỉnh tên một số tuyến đường tại Bảng số 05, Bảng số 06, Bảng số 07 theo Phụ lục IV.

5. Bãi bỏ tên và giá đất một số tuyến đường tại Bảng số 05, Bảng số 06, Bảng số 07 theo Phụ lục V.

6. Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 Điều 7 như sau:

“8. Đối với diện tích đất thương mại, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng ổn định lâu dài có nguồn gốc từ đất ở (được công nhận, giao đất ban đầu là đất ở hoặc được phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất ở) thì giá đất được xác định bằng 90% đơn giá đất ở cùng vị trí, cùng tuyến đường quy định tại Bảng số 05 ban hành kèm theo Quy định này”.

Điều 2. Bãi bỏ khoản 3 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 152/2025/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với trường hợp đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt, trừ trường hợp phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải điều chỉnh, bổ sung hoặc hủy bỏ theo quy định của pháp luật.

2. Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì giá đất được áp dụng tại thời điểm ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La khóa XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ 4, thông qua ngày 19 tháng 10 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Các Bộ: NN&MT; Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ NN&MT;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh; UBND; Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư Pháp;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực ĐU, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ việc làm người có công tỉnh;
- Trang Thông tin đại biểu dân cử tỉnh Sơn La;
- Lưu VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Lò Minh Hùng

PHỤ LỤC 01: BỔ SUNG GIÁ ĐẤT Ở

(Kèm theo Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 19/10/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: nghìn đồng/m²

STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
5.1	Xã Đoàn Kết					
-	Từ km 46+800 theo Quốc lộ 43 đến Km 45+590	640	390	290	190	140
-	Từ Km 45+590 theo quốc lộ 43 đến Nhà Văn Hóa bản đoàn kết	700	290	210	150	90
-	Tuyến đường liên bản Tà Lại đến Nong Cụt (thuộc xã Tà Lại cũ)	480	290	210	150	90
-	Khu tái định cư Pa Lay bản Đoàn Kết (xã Nà Mường cũ)	310	250	190	120	90
-	Khu tái định cư Trai Sơn bản Suối Mỏ (xã Tà Lại cũ)	310	250	190	120	90
-	Khu tái định cư Trai Tôn bản Tà Lọt (xã Tà Lại cũ)	310	250	190	120	90
5.5	Xã Song Khũa					
5.5.1	Các tuyến đường trục chính, khu dân cư trên địa bàn xã					
-	Cách ngã ba bản Co Súc 500m vào đến hết đường bê tông khu sản xuất Pì Nguộc	190	170	150	110	
-	Từ ngã ba cách trụ sở UBND xã Song Khũa về ba hướng 500m bản Lóng Khũa đường đi hết bản Co Hó cũ	170	150	130	100	
-	Từ ngã ba cách trụ sở UBND xã Song Khũa về ba hướng 500m bản Lóng Khũa đường đi hết đến bờ sông (hết bản Un)	180	160	140	110	
-	Từ ngã ba bản Tầm Phế cũ đường đi bản Liên Hoà cách 500m đi đến hết đường bê tông bản Song Hưng cũ, bản Suối Sầu cũ	190	150	120	100	
-	Từ ngã ba (bản Nôn cũ) đường đi Liên Hoà cách 500m đi đến hết đường bê tông bản Lẩn	190	150	120	100	
-	Từ ngã ba cách trụ sở UBND xã Liên Hoà cũ đi Tường Liên 500m vào bản Lẩn đến hết Pu Nhay (bản Tà Phù cũ) về ba hướng	190	150	120	100	
-	Từ cách Tỉnh lộ 101 500m đi hết đường bê tông bản Tân Thành	190	160	130	100	
-	Từ cách Tỉnh lộ 101 500m (bản Nhúng cũ) đi hết đường bê tông bản Pù Hiềng	160	140	110	90	
-	Từ cách tỉnh lộ 101 500m bản Chiềng Ban cũ đi hết đường bê tông bản Mường Tiễn về ba hướng	160	140	110	90	
-	Từ cách trụ sở UBND xã Quang Minh cũ 500m đi bản To Ngùi; giáp bản Mường Tiễn (bản Lòm cũ)	160	140	110	90	
-	Từ cách ngã ba đường đi Đền Hang Miềng 500m đến hết bản Coong	160	140	110	90	
5.5.2	Các tuyến còn lại trên địa bàn các bản (trừ các khu vực đã quy định giá đất)	150	130	110	80	
5.6	Xã Tô Múa					
5.6.1	Tỉnh lộ 101 (từ QL 6 đến bờ sông đền Hang Miềng)					
-	Từ đường rẽ trường Mầm non Tô Múa hết khu dân cư bản Bó Khám (giáp ranh giới xã Song Khũa cả 2 hướng	210	150	130	110	90
5.6.2	Tỉnh lộ 101 (Quốc lộ 43 đi trung tâm xã Chiềng Khoa cũ)					
-	Quốc lộ 43 đoạn hết địa phận phường Vân Sơn Đi bản Tin Tốc (bản Phú Khoa cũ)	950	570	350	100	80
5.6.3	Từ tỉnh lộ 101 đến trung tâm xã Suối Bàng cũ					
-	Từ đường rẽ Hợp Nhất đến bản Chiềng Sôi đến ngã 3 bản Pura Lai (bản Âm cũ)	250	200	160	140	100
5.9	Xã Mường Chiên					
-	Từ ngã 3 bản Phiêng Bay đến cầu tràn bản Ít Ta Bót	110	90	80	70	65
-	Từ ngã 3 bản Pháy Suông đến cụm dân cư Ít Pháy (bản Pháy Suông)	110	90	80	70	65
-	Từ ngã 3 bản Có Luông đến cầu tràn bản Ít Ta Bót	170	140	100	90	70
-	Từ ngã 3 bản Có Luông đến cống Có Luông	170	140	100	90	70
-	Từ cống Có Luông đến hết địa phận bản Khâu Pùm	110	90	80	70	65
-	Từ ngã 3 đường 107 (cụm dân cư Có Nội) đến ngã 3 đường đi Khau Pùm	130	110	100	90	80
-	Ngã 3 sân thể thao bản Cà Nàng đến ngã 3 đường đi Pho Pha	130	110	100	90	80
-	Từ cống chào bản Ít Ta Bót đến khu dân cư tái định cư Ít Ta Bót	170	140	100	90	70
-	Từ ngã 3 nhà văn hóa bản Có Luông đến ngã 3 nhà ông Hoàng Văn Điêu (đường đi Ít Ta Bót)	130	110	100	90	80

STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ mét cổng thoát nước nhà quán ông Lường Văn Thiết (bản Có Nội) đến nhà quán ông Hoàng Văn Thuyền (bản Lọng Ó)	170	140	100	90	80
-	Đất ở thuộc địa bàn các bản theo trục đường chính nội bản của xã Mường Chiên (trừ khu vực đã quy định giá đất)	130	110	100	90	80
5.12	Xã Thuận Châu					
-	Khu dân cư nông thôn bản Mòn, xã Thuận Châu	1.200				
-	Đất ven các tuyến đường còn lại trên địa bàn xã Thuận Châu (trừ khu vực đã được quy định giá đất)	300	180	138	125	105
5.13	Xã Chiềng La					
	Các đường nhánh nối với Quốc lộ 6B (Nong Lay - Chiềng La - Chiềng Pha)					
-	Các đường nhánh tại các bản: Sen To, Lá Lồm, Chiềng Cang, Liên Minh, Phiêng Nong, Huổi Lọng và bản Cọ (trừ lô đất giáp đường QL 6B)	640	380	290	190	130
-	Các tuyến đường còn lại quanh khu vực xã (trừ các khu vực đã được quy định giá đất)	130				
5.16	Xã Mường Khiêng					
-	Tuyến đường tỉnh lộ 116 tại Km 27+500 – Km 31+600 (Ngã 3 bản Bó - Ngã 3 bản Nà Sành)	500	400	300	200	150
-	Tuyến đường nhánh tỉnh lộ 116 tại Km 0 – Km 2+100 (Ngã 3 bản Nà Sành - Tổng Cọ cũ)	500	400	300	200	150
5.19	Xã Mường É					
-	Đất trục đường QL6 thuộc xã Mường É	450	300	180	150	
-	Ngã ba QL6 rẽ xuống xã đến cổng Trường Tiểu học Mường É	300	250	200	150	100
-	Cổng Trường Tiểu học Mường É (Trụ sở UBND xã Mường É cũ) đến cầu Ta Ve bản Chiềng Ve	700	450	350	250	150
-	Từ cầu Ta ve bản Chiềng Ve dọc trục đường TL 117 hết ranh giới bản Phạ Lụ	350	300	200	150	100
-	Từ đỉnh dốc Pu Kéo Cắm giáp bản Phạ Lụ đến ngã ba Nhà văn hóa bản Mẫu Thái	300	250	200	150	100
-	Ngã ba Nhà văn hóa Mẫu Thái đến hết cầu Ta Bó Săn bản Mẫu Thái	350	300	200	150	100
-	Từ cầu Ta Bó Săn bản Mẫu Thái đến Ngã ba bản Lấp (đầu điểm rẽ đi bản Nà Khoang)	300	250	200	150	100
-	Ngã ba bản Lấp đi hướng bản Nà Khoang đến Nhà Văn hóa bản Nà Khoang (TL 117)	350	300	200	150	100
-	Từ nhà văn hóa bản Nà Khoang dọc trục TL 117 đến đầu cầu bản Nghịu	300	250	200	150	100
-	Từ đầu cầu bản Nghịu đến hết địa phận xã Mường É (giáp bản Tịm xã Thuận Châu)	350	300	250	200	150
-	Chợ Phông Lập về hai hướng gồm: (1). Chợ Phông Lập đến cầu Hua Lũa, bản Kẹ. (2). Chợ Phông Lập đến ngã ba bản Lấp (Đường TL117)	500	230	150	100	80
-	Từ cầu Hua Lũa thuộc bản Lũa, bản Kẹ đến hết địa phận bản Kéo Sáo (giáp bản Ngà Phát xã Bình Thuận)	300	250	200	150	100
-	Từ ngã ba đường rẽ thuộc bản Nà Khoang (điểm đầu tuyến đường bê tông) đến hết địa phận bản Pá Sàng xã Mường É giáp xã Long Hẹ	200	150	100	80	
-	Điểm rẽ từ đường Long Hẹ - Phông Lập vào bản Huổi Ít (đến Nhà văn hóa bản)	100	80	70		
-	Điểm rẽ từ đường Long Hẹ - Phông Lập vào bản Ta Tú (đi qua điểm Trường Mầm Non Ta Tú 300 mét)	150	100	80	70	
5.20	Xã Long Hẹ					
5.20.1	Bản Hua Ty (xã Nậm Lầu) đến bản Cha Mạy (xã Long Hẹ)					
-	Từ đất nhà ông Và A Chừ (bản Cha Mạy) đến đất nhà ông Lầu A Thảo (bản Cha Mạy)	400	240	180	120	80
5.20.2	Đường Long Hẹ - Phông Lập					
-	Từ đất nhà ông Lầu A Thảo (bản Cha Mạy) đến đất nhà ông Lầu A Dĩa (bản Cha Mạy)	400	240	180	120	80
5.21	Xã Mường La					
	Trung tâm xã Pi Toong, xã Chiềng San, xã Nậm Păm, xã Mường Trai, xã Chiềng Muôn cũ (nay thuộc xã Mường La):					
-	Tuyến đường ĐT.111 thuộc khu dân cư bản Lâm, bản Chiến, bản Nong Luông	605	198	182	150	110

STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Tuyến đường trục liên bản (trừ các tuyến đường đã được quy định giá)	150	130	110	100	80
5.23	Xã Mường Bú					
	Trung tâm xã Mường Bú, xã Tạ Bú, xã Mường Chùm (nay thuộc xã Mường Bú)					
-	Đường khu dân cư bản Mường Bú	5.500	4.500	2.000	1.000	700
-	Từ bãi đã sê đến đầu cầu bản Két cũ (nay thuộc bản Tạ Bú)	1.600	1.000	700	400	250
-	Từ ngã ba cầu vạn bú đi qua bản Thẩm Hon cũ (nay thuộc bản Pá Tong) đến hết địa phận xã Mường Bú	300	180	150	100	90
-	Từ đường QL 279D đến hết địa phận bản Chón	200	150	100	90	80
5.25	Xã Bắc Yên					
5.25.1	Đường nội thị xã Bắc Yên					
-	Từ ngã ba khách sạn Paris Bắc Yên đến khu nhà ông Lương Văn Hoan	4.000	1.980	1.490	990	600
-	Từ khu nhà ông Lương Văn Hoan đến Bệnh viện Đa Khoa Bắc Yên	3.500	1.850	1.390	930	560
-	Từ hết đất Bệnh viện Đa Khoa Bắc Yên đến ngã ba đầu nối với Quốc lộ 37	2.870	990	750	500	300
5.25.2	Tỉnh lộ 112 xã Bắc Yên đi các bản					
-	Từ điểm Tọa hóa Bảo Hòa đến ngã ba điểm "Có một đôi hoa"	590	250	200	120	80
-	Từ ngã ba điểm "Có một đôi hoa" đến A Chu Homestay	500	150	100	90	80
-	Từ điểm ngã ba Có một đôi hoa đến Thảo Nguyên Xanh Homestay	500	150	100	90	80
-	Từ điểm Thảo Nguyên Xanh Homestay đến Nhà Máy Thủy Điện Suối Sập 1	450	150	100	90	80
5.26	Xã Tà Xùa					
	Các đường khu vực xã Tà Xùa					
-	Từ hết đất bản Tà Xùa (Khu Móng Vàng) đến hết đất bản Bẹ (dọc theo tuyến đường bê tông)	590	250	200	120	80
-	Từ hết đất bản Bẹ đến đập thủy điện Suối Sập 1 (bản Thảo Nguyên), dọc theo tuyến đường bê tông	590	250	200	120	80
5.31	Xã Phù Yên					
-	Tuyến đường xung quanh hồ Noong Bua		1.700	450	300	
5.32	Xã Gia Phù					
5.31.1	Khu vực trung tâm xã Gia Phù, xã Tường Phù, xã Suối Bau cũ (nay thuộc xã Gia Phù)					
	Trung tâm ngã ba gia phù đi 3 hướng					
-	Từ cầu suối Hồng Cà (Bản Tạo) đến cầu Suối Hiền (Bản Nhột)	890	690	460	310	200
5.32.2	Từ cầu suối Bùa (Bản Bùa Chung) đến nhà Từ nhà Lò Văn Phường (Bản Bùa Chung)					
-	Từ nhà Lò Văn Phường (Bản Bùa Chung) đến giáp đất xã Tường Hạ (Bản Bùa Hạ)	2.260	1.350	1.010	500	330
-	Từ nhà Lò Văn Phường (Bản Bùa Chung) đến nhà Hoàng Văn Thịnh (Bản Bùa Chung)	2.200	1.320	1.000	400	310
5.38	Xã Yên Châu					
-	Ngã ba (nhà Kéo Liền) trên tuyến đường Thao trường bắn đến ngã ba Trường THCS (bản Pút) đi Trụ sở xã Chiềng Khoi cũ	200	160	120	100	80
-	Đường Q.L.6 đi bản Na Pa, xã Sập Vạt trước đây (nay là xã Yên Châu) tuyến đường dài 8 km	200	160	120	100	80
-	Đường Q.L.6 (cầu Chiềng Đông 1) đi bản Na Pàn, tuyến đường dài 2 km	330	200	160	100	80
5.39	Xã Chiềng Hắc					
5.39.1	Tuyến đường liên bản Bản Cổ Nông - cầu bản Cổ Nông					
-	Bản Cổ Nông - cầu bản Cổ Nông	330				
5.39.2	Tuyến đường thị trấn Bản Cang					
-	Từ ngã 3 đường bản Cang đến qua cầu 200m	650				
-	Từ ngã 3 đi bản Pa Hốc đến giáp địa phận xã Yên Châu	200				
5.39.3	Từ ngã 3 Pa Hốc đến giáp bản Suối Phà Đường nội bản bản Pa Hốc	150				
5.39.4	Trục đường giao thông tại các bản					
-	Tuyến bản Na Khoang (cũ), Chiềng Ban 1,2 (cũ) nay là bản Chiềng Ban trục đường giao thông nông thôn chính	240				

STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường giao thông nông thôn chính nối các bản Huổi Mong, Suối Phà	200				
-	Đường nội bản bản Bó Kiểng, Co Sáy	150				
-	Đường nội bản bản Tà Vài; Văng Lùng (trục đường chính)	600				
-	Đường Nội bản bản Tà Làng Cao (từ đầu bản đến đầu cầu bản Tà Làng Cao (đọc trục đường chính	350				
-	Tuyến đường nội bản các bản, bản Đào, bản Ôn Ốc (tính từ đầu bản đến hết đường bê tông)	150				
-	Tuyến đường nội bản Nà Ngà	450				
5.40	Xã Lóng Phiêng					
	Tuyến đường dọc theo Quốc Lộ 6C					
	Từ địa phận giáp ranh xã Chiềng Hặc cho đến hết đất bản Mỏ Than (ngoại trừ khu vực trung tâm xã đã có quy định giá riêng)	840	590	420	180	120
5.43	Xã Mai Sơn					
5.43.1	Đường Cà Văn Khum					
-	Từ ngã tư Nông trường dọc theo đường Hát Lót-Tà Hộc + 450 m	12.350	8.400	5.900	4.200	3.000
5.43.2	Đường bản Dôm					
-	Từ ngã ba (Quốc lộ 6) đi về hướng trường Phổ thông Trung học Mai Sơn 300 m	5.800	2.900	2.200	1.500	1.000
5.43.3	Quốc Lộ 37					
-	Từ Đài tưởng niệm Thanh niên xung phong đi 200m theo hướng đi bản Nong Quỳnh đến hết địa phận xã Mai Sơn	700	500	300	200	100
-	Từ Quốc lộ 6 cũ đến Ngã Ba Dốc đá (Km2 + 150m Tính lộ 103 cũ)	1.600	800	600	400	200
-	Từ Km2 + 150m đến hết địa phận xã Mai Sơn	600	400	250	200	140
5.43.4	Các đường nhánh khác					
-	Các tuyến đường còn lại thuộc khu vực thị trấn Hát Lót cũ	1.000	700	490	340	240
-	Các tuyến đường còn lại thuộc khu vực xã Hát Lót cũ và xã Cò Nòi cũ	650	420	290	200	140
5.43.5	Đường Hát Lót - Chiềng Mung					
-	Từ ngã ba địa chất (Km 277 + 300m Quốc lộ 6) + 40m đến hết đoạn địa chất 305	700	400	300	200	150
-	Từ hết đất đoạn địa chất 305 đến ngã ba bản Nà Tiến (cũ)	840	360	270	180	120
5.44	Xã Phiêng Păn					
	Trục đường giao thông chính, khu dân cư:					
-	Tuyến đường Quốc Lộ 37 đi bản Chi đến Quốc lộ 6C	750	550	450	250	150
-	Tuyến đường từ trung tâm xã Phiêng Păn (Két Hay - Pá Nó) đi đến trạm Cọ (Quốc lộ 4G)	750	550	450	250	150
5.45	Xã Chiềng Mung					
5.45.1	Quốc lộ 4G					
-	Đường từ ngã ba bản Mạt (ngã 3, 4G) đi trung tâm cai nghiện tỉnh hết địa phận xã Chiềng Mung	1.500	1.050	700	500	400
5.45.2	Đường tỉnh lộ 118					
	Từ ngã ba Quốc lộ 6 + 40m bản Bôm Cưa đi khu Công nghiệp Mai Sơn	1.100	770	540	380	270
5.51	Xã Chiềng Khương					
-	Từ Quốc lộ 4G đến cửa khẩu Chiềng Khương	350	210	160	110	90
5.56	Xã Sông Mã					
	Trục đường giao thông chính; khu dân cư :					
-	Đường Lê Văn Lương; Đoạn từ hết đất nhà ông Trần Văn Tiến số nhà 20 đến hết đường	2.040	1.540	1.020	510	300
-	Từ hết quán Tam Dinh đến hết đất ông Tường Thế Tá và đoạn hết quán Tam Dinh đến ngã ba nhà ông Quyền Hoan	1.570	940	710	480	240
-	Từ hết nhà ông Tường Thế Tá (số nhà 20) đến ngã ba nhà ông Hải Thuyền	2.040	1.200	740	450	270
-	Đường Lê Quý Đôn (Đoạn từ hết đất nhà ông Đỗ Ngọc Thảo đến hết đường (Trường THPT Sông Mã phân hiệu 2)	2.400	1.500	860	520	350
-	Đường Chu Văn An (Đoạn từ hết đất nhà ông Lò Văn Chính đến ngã ba giao nhau với đường Lê Quý Đôn)	2.360	1.420	850	520	320
-	Đất các khu dân cư ven trục giao thông chính trên địa bàn xã Sông Mã (trừ các khu vực đã quy định giá đất)	140	120	100	90	80

STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
5.59	Xã Sốp Cộp					
5.59.1	Đường khu tái định cư D18-D19-D78-D79 (khu TT hành chính xã Sốp Cộp)					
-	Từ D16 (Ngã tư Ngân hàng An Bình) đi D18 đến đất Thuế cơ sở 5, hai bên đường	520	450			
5.59.2	Các đoạn đường ven trung tâm xã Sốp Cộp					
-	Từ hết đất ông Cà Văn Bình bán Nà Dĩa đến ngã ba hướng đi bán Tông Hùm, hai bên đường	220	160	110	90	70
-	Các tuyến đường còn lại đi vào các bản (trừ các tuyến đã được quy định chi tiết tại bảng giá đất)	150	120	90	80	70
-	Các tuyến đường tại các bản: Bản Hua Mường, bản Sốp Cộp, bản Nà Lốc, bản Sốp Nặm, bản Nà Sài, bản Ban, bản Pe và bản Nà Dĩa (xã Sốp Cộp cũ), hai bên đường	200	150	120	90	70
5.61	Phường Tô Hiệu					
	Đường giao thông 2A, 2B, 2C Khu quy hoạch dân cư OC - 01 và OC - 04					
-	Đường quy hoạch rộng 11,5 m	17.000				
5.62	Phường Chiềng An					
-	Từ đầu đường Lò Văn Giá (cạnh trường THCS Chiềng An) đến đường asphalt bên kè từ bản Hải xuống đến bản Phiêng Ngựa	3.420	2.100	1.500	1.000	700
-	Khu dân cư bản Có Thề; bản Nam Nghè; bản Nam Giáng phường Chiềng An	150				
5.64	Phường Chiềng Sinh					
	Tuyến đường từ chân dốc Noong Đức đến hết ngã tư bản Pắc Ma (đoạn giao nhau giữa đường rẽ đi tổ 4 và đường đi tổ 7 phường Chiềng Sinh	3.000	2.100	1.470	1.029	750
5.65	Phường Mộc Châu					
-	Đường từ Ngã ba rẽ vào cầu kính Bạch Long (ĐT.102) đến hết địa phận phường Mộc Châu	6.500	6.000	4.500	3.500	2.500
-	Từ Ngã ba QL 43 rẽ vào chùa Vật Hồng đến hết thửa đất số 118 tờ bản đồ số 57 (Bản đồ 1999-2000)	2.500	1.800	1.200	800	600
5.66	Phường Mộc Sơn					
5.66.1	Khu Tái định cư tổ dân phố 5 phường Mộc Sơn (thuộc Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng và san nền khu dân cư tiểu khu 1)					
-	Tuyến đường trục chính đô thị - nội thị	7.100				
-	Tuyến đường nội thị khu Tái định cư tổ dân phố 5 (quy hoạch 13,5m)	4.000				
-	Tuyến đường nội thị khu Tái định cư tổ dân phố 5 (quy hoạch 11,5m)	2.300				
5.66.2	Tuyến đường bờ kè 34	4.000				
5.67	Phường Vân Sơn					
5.67.1	Phố Tô Vĩnh Diện					
-	Từ Ngã tư khách sạn Trường Giang (hướng đi về xưởng bột) đến hết địa phận xã Vân Sơn	7.480	5.640	3.680	2.530	1.500
5.67.2	Các tuyến đường nội thị khác					
-	Đường từ Quốc lộ 6 đến hết địa phận phường Vân Sơn (giáp địa phận bản Thuồng Cuồng, xã Vân Hồ) (quy hoạch 30 m)	10.100				
-	Đường từ Quốc lộ 6 đến hết địa phận phường Vân Sơn (giáp địa phận bản Thuồng Cuồng, xã Vân Hồ) (quy hoạch trên 6 m đến 9 m)	7.200				
-	Đường từ Quốc lộ 6 đến hết địa phận phường Vân Sơn, tỉnh Sơn La (giáp địa phận bản Thuồng Cuồng, xã Vân Hồ) (quy hoạch 6 m)	5.000				
-	Đường Tỉnh lộ 101b (Từ ngã ba Km 64 đến giáp địa phận xã Vân Hồ)	4.130	2.750	1.130	750	500
5.67.3	Khu dân cư thuộc quy hoạch Hạ tầng bến xe khách Mộc Châu và khu dân cư lân cận tại tổ dân phố Hoa Đào, phường Vân Sơn					
-	Tuyến đường nội thị khu dân cư quy hoạch 8,5 m	7.200				
-	Tuyến đường nội thị khu dân cư quy hoạch 5,5 m	5.000				
5.70	Xã Phiêng Khoài					
	Trung tâm xã Phiêng Khoài					
-	Dọc tuyến đường QL6C (trừ trung tâm xã Phiêng Khoài)	330	300	280	220	180
-	Đất ở nông thôn còn lại trên địa bàn xã Phiêng Khoài	140	110	100	90	80

PHỤ LỤC 02: BỔ SUNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(Kèm theo Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 19/10/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: nghìn đồng/m²

STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
6.1	Xã Đoàn Kết					
-	Từ km 46+800 theo Quốc lộ 43 đến Km 45+590	410	250	190	120	85
-	Từ Km 45+590 theo quốc lộ 43 đến Nhà Văn Hóa bản đoàn kết	595	190	140	95	85
-	Tuyến đường liên bản Tà Lại đến Nong Cụt (thuộc xã Tà Lại cũ)	310	190	140	95	85
-	Khu tái định cư Pa Lay bản Đoàn Kết (xã Nà Mường cũ)	200	155	120	105	85
-	Khu tái định cư Trai Sơn bản Suối Mỏ (xã Tà Lại cũ)	200	155	120	105	85
-	Khu tái định cư Trai Tôn bản Tà Lọt (xã Tà Lại cũ)	200	155	120	105	85
6.5	Xã Song Khùa					
6.5.1	Các tuyến đường trục chính, khu dân cư trên địa bàn xã					
-	Cách ngã ba bản Co Súc 500m vào đến hết đường bê tông khu sản xuất Pi Nguộc	160	140	130	90	
-	Từ ngã ba cách trụ sở UBND xã Song Khùa về ba hướng 500m bản Lóng Khùa đường đi hết bản Co Hó cũ	140	130	110	90	
-	Từ ngã ba cách trụ sở UBND xã Song Khùa về ba hướng 500m bản Lóng Khùa đường đi hết đến bờ sông (hết bản Un)	150	140	120	90	
-	Từ ngã ba bản Tầm Phế cũ đường đi bản Liên Hoà cách 500m đi đến hết đường bê tông bản Song Hưng cũ, bản Suối Sầu cũ	160	130	100	90	
-	Từ ngã ba (bản Nôn cũ) đường đi Liên Hoà cách 500m đi đến hết đường bê tông bản Lăn	160	130	100	90	
-	Từ ngã ba cách trụ sở UBND xã Liên Hoà cũ đi Tường Liên 500m vào bản Lăn đến hết Pu Nhay (bản Tà Phù cũ) về ba hướng	160	130	100	90	
-	Từ cách Tỉnh lộ 101 500m đi hết đường bê tông bản Tân Thành	160	140	110	90	
-	Từ cách Tỉnh lộ 101 500m (bản Nhúng cũ) đi hết đường bê tông bản Pù Hiêng	140	120	90	80	
-	Từ cách tỉnh lộ 101 500m bản Chiềng Ban cũ đi hết đường bê tông bản Mường Tiến về ba hướng	140	120	90	80	
-	Từ cách trụ sở UBND xã Quang Minh cũ 500m đi bản To Ngùi; giáp bản Mường Tiến (bản Lôm cũ)	140	120	90	80	
-	Từ cách ngã ba đường đi Đền Hang Miếng 500m đến hết bản Coong	140	120	90	80	
6.5.2	Các khu dân cư còn lại trên địa bàn xã (trừ các khu vực đã quy định giá đất)	130	110	90	70	
6.6	Xã Tô Múa					
6.6.1	Tỉnh lộ 101 (từ QL 6 đến bờ sông đền Hang Miếng)					
	Từ đường rẽ trường Mầm non Tô Múa hết khu dân cư bản Bó Khảm (giáp ranh giới xã Song Khùa cả 2 hướng	170	140	105	85	70
6.6.2	Tỉnh lộ 101 (Quốc lộ 43 đi trung tâm xã Chiềng Khoa cũ)					
	Quốc lộ 43 đoạn hết địa phận phường Vân Sơn Đi bản Tin Tốc (bản Phú Khoa cũ)	765	120	95	80	60
6.6.3	Từ tỉnh lộ 101 đến trung tâm xã Suối Bàng cũ					
	Từ đường rẽ Hợp Nhất đến bản Chiềng Sôi đến ngã 3 bản Pư Lai (bản Âm cũ)	215	170	130	115	85
6.9	Xã Mường Chiên					
-	Từ ngã 3 bản Phiêng Bay đến cầu tràn bản Ít Ta Bót	100	80	70	65	60
-	Từ ngã 3 bản Pháy Suông đến cụm dân cư Ít Pháy (bản Pháy Suông)	100	80	70	65	60
-	Từ ngã 3 bản Có Luông đến cầu tràn bản Ít Ta Bót	140	105	80	70	60
-	Từ ngã 3 bản Có Luông đến cống Có Luông	140	105	80	70	60
-	Từ cống Có Luông đến hết địa phận bản Khâu Pùm	100	80	70	65	60
-	Từ ngã 3 đường 107 (cụm dân cư Có Nội) đến ngã 3 đường đi Khau Pùm	120	100	80	70	60
-	Ngã 3 sân thể thao bản Cà Nàng đến ngã 3 đường đi Pho Pha	120	100	80	70	60

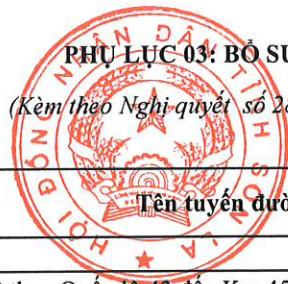
STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ cổng chào bán Ít Ta Bót đến khu dân cư tái định cư Ít Ta Bót	140	105	80	70	60
-	Từ ngã 3 nhà văn hóa bán Có Luông đến ngã 3 nhà ông Hoàng Văn Điêu (đường đi Ít Ta Bót)	120	100	80	70	60
-	Từ một cổng thoát nước nhà quán ông Lương Văn Thiết (bán Có Nội) đến nhà quán ông Hoàng Văn Thuyền (bán Lọng Ổ)	140	105	80	70	60
-	Đất ở thuộc địa bàn các bản theo trục đường chính nội bản của xã Mường Chiên (trừ khu vực đã quy định giá đất)	120	100	80	70	60
6.12	Xã Thuận Châu					
-	Khu dân cư nông thôn bản Mòn, xã Thuận Châu	850				
-	Đất ven các tuyến đường còn lại trên địa bàn xã Thuận Châu (trừ khu vực đã được quy định giá đất)	260	150	120	110	90
6.13	Xã Chiềng La					
	Các đường nhánh nối với Quốc lộ 6B (Nong Lay - Chiềng La - Chiềng Pha)					
-	Các đường nhánh tại các bản: Sen To, Lá Lốm, Chiềng Cang, Liên Minh, Phiêng Nong, Huổi Lọng và bản Cọ (trừ lô đất giáp đường QL 6B)	550	330	250	170	120
-	Các tuyến đường còn lại quanh khu vực xã Chiềng La (trừ các khu vực đã được quy định giá đất)	115				
6.16	Xã Mường Khiêng					
-	Tuyến đường tỉnh lộ 116 tại Km 27+500 – Km 31+600 (Ngã 3 bán Bó - Ngã 3 bán Nà Sành)	430	340	260	170	130
-	Tuyến đường nhánh tỉnh lộ 116 tại Km 0 – Km 2+100 (Ngã 3 bán Nà Sành - Tổng Cọ cũ)	430	340	260	170	130
6.19	Xã Mường É					
-	Đất trục đường QL6 thuộc xã Mường É	380	260	150	130	
-	Ngã ba QL6 rẽ xuống xã đến cổng Trường Tiểu học Mường É	260	210	165	120	90
-	Cổng Trường Tiểu học Mường É (Trụ sở UBND xã Mường É cũ) đến cầu Ta Ve bản Chiềng Ve	600	380	300	210	130
-	Từ cầu Ta ve bản Chiềng Ve dọc trục đường TL 117 hết ranh giới bản Phạ Lụ	300	260	165	120	90
-	Từ đỉnh dốc Pu Kéo Cắm giáp bản Phạ Lụ đến ngã ba Nhà văn hóa bản Mẫu Thái	260	210	165	120	90
-	Ngã ba Nhà văn hóa Mẫu Thái đến hết cầu Ta Bó Săn bản Mẫu Thái	300	260	165	120	90
-	Từ cầu Ta Bó Săn bản Mẫu Thái đến Ngã ba bản Lấp (đầu điểm rẽ đi bản Nà Khoang)	260	210	165	120	90
-	Ngã ba bản Lấp đi hướng bản Nà Khoang đến Nhà Văn hóa bản Nà Khoang (TL 117)	300	260	165	120	90
-	Từ nhà văn hóa bản Nà Khoang dọc trục TL 117 đến đầu cầu bản Nghiu	260	210	165	120	90
-	Từ đầu cầu bản Nghiu đến hết địa phận xã Mường É (giáp bản Tìm xã Thuận Châu)	300	260	210	170	130
-	Chợ Phông Lập về hai hướng gồm: (1). Chợ Phông Lập đến cầu Hua Lũa, bản Kẹ. (2). Chợ Phông Lập đến ngã ba bản Lấp (Đường TL117)	430	200	120	90	70
-	Từ cầu Hua Lũa thuộc bản Lũa, bản Kẹ đến hết địa phận bản Kéo Sáo (giáp bản Ngà Phát xã Bình Thuận)	260	210	165	120	90
-	Từ ngã ba đường rẽ thuộc bản Nà Khoang (điểm đầu tuyến đường bê tông) đến hết địa phận bản Pá Sàng xã Mường É giáp xã Long Hẹ	165	120	90	70	
-	Điểm rẽ từ đường Long Hẹ - Phông Lập vào bản Huổi Ít (đến Nhà văn hóa bản)	90	70	60		
-	Điểm rẽ từ đường Long Hẹ - Phông Lập vào bản Ta Tú (đi qua điểm Trường Mầm Non Ta Tú 300 mét)	120	90	70	60	
6.20	Xã Long Hẹ					
6.20.1	Bản Hua Ty (xã Nậm Lầu) đến bản Cha Mạy (xã Long Hẹ)					
-	Từ đất nhà ông Và A Chứ (bản Cha Mạy) đến đất nhà ông Lầu A Thào (bản Cha Mạy)	340	210	160	110	70
6.20.2	Đường Long Hẹ - Phông Lập					

STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ đất nhà ông Lầu A Thảo (bản Cha Mạy) đến đất nhà ông Lầu A Dia (bản Cha Mạy)	340	210	160	110	70
6.21	Xã Mường La					
	Trung tâm xã Pi Toong, xã Chiềng San, xã Nậm Păm, xã Mường Trai, xã Chiềng Muôn cũ (nay thuộc xã Mường La)					
-	Tuyến đường ĐT.111 thuộc khu dân cư bản Lâm, bản Chiến, bản Nong Luông	170	140	105	80	70
-	Tuyến đường trục liên bản (trừ các tuyến đường đã được quy định giá)	130	110	90	90	70
6.23	Xã Mường Bú					
	Trung tâm xã Mường Bú, xã Tạ Bú, xã Mường Chùm (nay thuộc xã Mường Bú)					
-	Đường khu dân cư bản Mường Bú	4.680	3.830	1.700	850	600
-	Từ bãi đã sè đến đầu cầu bản Két cũ (nay thuộc bản Tạ Bú)	1.360	850	600	340	210
-	Từ ngã ba cầu vạn bú đi qua bản Thảm Hon cũ (nay thuộc bản Pá Tong) đến hết địa phận xã Mường Bú	260	160	130	90	80
-	Từ đường QL 279D đến hết địa phận bản chón	170	130	90	80	70
6.25	Xã Bắc Yên					
6.25.1	Đường nội thị xã Bắc Yên					
-	Từ ngã ba khách sạn Paris Bắc Yên đến khu nhà ông Lường Văn Hoan	3.400	1.680	1.270	840	510
-	Từ khu nhà ông Lường Văn Hoan đến Bệnh viện Đa Khoa Bắc Yên	2.980	1.570	1.180	790	480
-	Từ hết đất Bệnh viện Đa Khoa Bắc Yên đến ngã ba đầu nối với Quốc lộ 37	2.440	840	640	430	260
6.25.2	Tỉnh lộ 112 xã Bắc Yên đi các bản					
-	Từ điểm Tọa hóa Bão Hòa đến ngã ba Có một đôi hoa	500	210	170	100	70
-	Từ ngã ba điểm Có một đôi hoa đến A Chu Homestay	430	130	90	75	70
-	Từ điểm ngã ba Có một đôi hoa đến Thảo Nguyên Xanh Homestay	430	130	90	75	70
-	Từ điểm Thảo Nguyên Xanh Homestay đến Nhà Máy Thủy Điện Suối Sập 1	380	130	90	75	70
6.26	Xã Tà Xùa					
	Các đường khu vực xã Tà Xùa					
-	Từ hết đất bản Tà Xùa (Khu Móng Vàng) đến hết đất bản Bẹ (dọc theo tuyến đường bê tông)	440	190	150	110	70
-	Từ hết đất bản Bẹ đến đập thủy điện Suối Sập 1 (bản Thảo Nguyên), dọc theo tuyến đường bê tông	440	190	150	110	70
6.31	Xã Phù Yên					
-	Tuyến đường xung quanh hồ Noong Bua		550	350	260	
6.32	Xã Gia Phù					
6.31.1	Khu vực trung tâm xã Gia Phù, xã Tường Phù, xã Suối Bau cũ (nay thuộc xã Gia Phù)					
	Trung tâm ngã ba gia phù đi 3 hướng					
-	Từ cầu suối Hồng Cà (Bản Tạo) đến cầu Suối Hiền (Bản Nhọt)	690	540	360	240	105
6.32.1	Từ cầu suối Bùa (Bản Bùa Chung) đến nhà Từ nhà Lò Văn Phường (Bản Bùa Chung)					
-	Từ nhà Lò Văn Phường (Bản Bùa Chung) đến giáp đất xã Tường Hạ (Bản Bùa Hạ)	1.405	850	640	390	260
-	Từ nhà Lò Văn Phường (Bản Bùa Chung) đến nhà Hoàng Văn Thịnh (Bản Bùa Chung)	1.690	1.010	690	310	240
6.38	Xã Yên Châu					
-	Ngã ba (nhà Kéo Liên) trên tuyến đường Thao trường bắn đến ngã ba Trường THCS (bản Pút) đi Trụ sở xã Chiềng Khoi cũ	155	120	95	80	75

STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường Q.L.6 đi bản Na Pa, xã Sập Vạt trước đây (nay là xã Yên Châu) tuyến đường dài 8 km	155	120	95	80	75
-	Đường Q.L.6 (cầu Chiềng Đông 1) đi bản Na Pán, tuyến đường dài 2 km	260	155	120	80	75
6.39	Xã Chiềng Hặc					
6.39.1	Tuyến đường liên bản Bản Cổ Nông - cầu bản Cổ Nông					
	Bản Cổ Nông - cầu bản Cổ Nông (trục đường chính)	280				
6.39.2	Tuyến đường thị trấn Bản Cang					
-	Từ ngã 3 đường bản Cang đến qua cầu 200m	550				
-	Từ ngã 3 đi bản Pa Hốc đến giáp địa phận xã Yên Châu	170				
6.39.3	Từ ngã 3 Pa Hốc đến giáp bản Suối Phà Đường nội bản bản Pa Hốc	130				
6.39.4	Trục đường giao thông tại các bản					
-	Tuyến bản Na Khoang (cũ), Chiềng Ban 1,2 (cũ) nay là bản Chiềng Ban trục đường giao thông nông thôn chính	200				
-	Đường giao thông nông thôn chính nối các bản Huổi Mong, Suối Phà	170				
-	Đường nội bản bản Bó Kiếng, Co Sáy	130				
-	Đường nội bản bản Tà Vải, Văng Lùng (trục đường chính)	510				
-	Đường Nội bản bản Tà Làng Cao (từ đầu bản đến đầu cầu bản Tà Làng Cao (đọc trục đường chính)	300				
-	Tuyến đường nội bản các bản, bản Dào, bản Ôn Ốc (tính từ đầu bản đến hết đường bê tông)	130				
-	Tuyến đường nội bản Nà Ngà	380				
6.40	Xã Lóng Phiêng					
	Tuyến đường dọc theo Quốc Lộ 6C					
	Từ địa phận giáp ranh xã Chiềng Hặc cho đến hết đất bản Mỏ Than (ngoại trừ khu vực trung tâm xã đã có quy định giá riêng)	710	500	360	150	100
6.43	Xã Mai Sơn					
6.43.1	Đường Cà Văn Khum					
-	Từ ngã tư Nông trường dọc theo đường Hát Lót-Tà Hộc + 450 m	6.885	3.445	2.585	1.726	1.150
6.43.2	Đường bản Dôm					
-	Từ ngã ba (Quốc lộ 6) đi về hướng trường Phổ thông Trung học Mai Sơn 300 m	4.645	2.330	1.745	1.165	775
6.43.3	Quốc Lộ 37					
-	Từ Đài tưởng niệm Thanh niên xung phong đi 200m theo hướng đi bản Nong Quỳnh đến hết địa phận xã Mai Sơn	600	430	260	170	90
-	Từ Quốc lộ 6 cũ đến Ngã Ba Dốc đá (Km2 + 150m Tỉnh lộ 103 cũ)	715	425	325	215	145
-	Từ Km2 + 150m đến hết địa phận xã Mai Sơn	510	340	210	145	120
6.43.4	Các đường nhánh khác					
-	Các tuyến đường còn lại thuộc khu vực thị trấn Hát Lót cũ	850	600	420	290	200
-	Các tuyến đường còn lại thuộc khu vực xã Hát Lót cũ và xã Cò Nòi cũ	550	360	250	170	120
6.43.5	Đường Hát Lót - Chiềng Mung					
-	Từ ngã ba địa chất (Km 277 + 300m Quốc lộ 6) + 40m đến hết đoàn địa chất 305	600	310	230	155	105
-	Từ hết đất đoàn địa chất 305 đến ngã ba bản Nà Tiến (cũ)	710	310	230	150	100

STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
6.44	Xã Phiêng Păn					
	Trục đường giao thông chính, khu dân cư					
-	Tuyến đường Quốc Lộ 37 đi bản Chi đến Quốc lộ 6C	640	470	390	220	130
-	Tuyến đường từ trung tâm xã Phiêng Păn (Két Hay - Pá Nỏ) đi đến trạm Cọ (Quốc lộ 4G)	640	470	390	220	130
6.45	Xã Chiềng Mung					
6.45.1	Quốc lộ 4G					
	Đường từ ngã ba bản Mạt (ngã 3, 4G) đi trung tâm cai nghiện tỉnh hết địa phận xã Chiềng Mung	640	255	196	130	85
6.45.2	Đường tỉnh lộ 118					
	Từ ngã ba Quốc lộ 6 + 40m bản Bôm Cưa đi khu Công nghiệp Mai Sơn	940	660	460	330	230
6.51	Xã Chiềng Khương					
	Từ Quốc lộ 4G đến cửa khẩu Chiềng Khương	215	170	130	100	85
6.56	Xã Sông Mã					
	Trục đường giao thông chính; khu dân cư					
-	Đường Lê Văn Lương: Đoạn từ hết đất nhà ông Trần Văn Tiến số nhà 20 đến hết đường	1.730	1.310	870	430	260
-	Từ hết quán Tam Dinh đến hết đất ông Tường Thế Tá và đoạn hết quán Tam Dinh đến ngã ba nhà ông Quyền Hoan	1.330	800	600	410	200
-	Từ hết nhà ông Tường Thế Tá (số nhà 20) đến ngã ba nhà ông Hải Thuyền	1.730	1.020	630	380	230
-	Đường Lê Quý Đôn (Đoạn từ hết đất nhà ông Đỗ Ngọc Thảo đến hết đường (Trường THPT Sông Mã phần hiệu 2)	2.040	1.280	730	440	300
-	Đường Chu Văn An (Đoạn từ hết đất nhà ông Lò Văn Chính đến ngã ba giao nhau với đường Lê Quý Đôn)	2.010	1.210	720	440	270
-	Đất các khu dân cư ven trục giao thông chính trên địa bàn xã Sông Mã (trừ các khu vực đã quy định giá đất)	120	100	90	80	70
6.59	Xã Sốp Cộp					
6.59.1	Đường khu tái định cư D18-D19-D78-D79 (khu TT hành chính xã Sốp Cộp)					
-	Từ D16 (Ngã tư Ngân hàng An Bình) đi D18 đến đất Thuê cơ sở 5, hai bên đường	440	380			
6.59.2	Các đoạn đường ven trung tâm xã Sốp Cộp					
-	Từ hết đất ông Cà Văn Bình bản Nà Dĩa đến ngã ba hướng đi bản Tông Hùm, hai bên đường	190	140	90	80	65
-	Các tuyến đường còn lại đi vào các bản (trừ các tuyến đã được quy định chi tiết tại bảng giá đất)	130	100	80	70	60
-	Các tuyến đường tại các bản: Bản Hua Mường, bản Sốp Cộp, bản Nà Lốc, bản Sốp Nặm, bản Nà Sài, bản Ban, bản Pe và bản Nà Dĩa (xã Sốp Cộp cũ), hai bên đường	170	130	100	80	60
6.61	Phường Tô Hiệu					
	Đường giao thông 2A, 2B, 2C Khu quy hoạch dân cư OC - 01 và OC - 04					
-	Đường quy hoạch rộng 11,5 m	14.450				
6.62	Phường Chiềng An					
-	Từ đầu đường Lò Văn Giá (cạnh trường THCS Chiềng An) đến đường asphalt bên kè từ bản Hải xuống đến bản Phiêng Ngựa	2.910	1.785	1.275	850	595
-	Khu dân cư bản Có Thê; bản Nam Nghê; bản Nam Giáng phường Chiềng An	130				
6.64	Phường Chiềng Sinh					
	Tuyến đường từ chân dốc Noong Đức đến hết ngã tư bản Pắc Ma (đoạn giao nhau giữa đường rẽ đi tổ 4 và đường đi tổ 7 phường Chiềng Sinh	2.550	1.790	1.250	870	640
6.65	Phường Mộc Châu					
-	Đường từ Ngã ba rẽ vào cầu kính Bạch Long (ĐT.102) đến hết địa phận phường Mộc Châu	5.530	5.100	3.830	2.980	2.130

STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ Ngã ba QL 43 rẽ vào chùa Vạt Hồng đến hết thửa đất số 118 tờ bản đồ số 57 (Bản đồ 1999-2000)	2.130	1.530	1.020	680	510
6.66	Phường Mộc Sơn					
6.66.1	Khu Tái định cư tổ dân phố 5 phường Mộc Sơn (thuộc Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng và san nền khu dân cư tiểu khu 1)					
-	Tuyến đường trục chính đô thị - nội thị	6.040				
-	Tuyến đường nội thị khu Tái định cư tổ dân phố 5 (quy hoạch 13,5m)	3.400				
-	Tuyến đường nội thị khu Tái định cư tổ dân phố 5 (quy hoạch 11,5m)	1.960				
6.66.2	Tuyến đường bờ kè 34	3.400				
6.67	Phường Vân Sơn					
6.67.1	Phố Tô Vĩnh Diện					
-	Từ Ngã tư khách sạn Trường Giang (hướng đi về xưởng bột) đến hết địa phận xã Vân Sơn	6.360	4.790	3.130	2.150	1.280
6.67.2	Các tuyến đường nội thị khác					
-	Đường từ Quốc lộ 6 đến hết địa phận phường Vân Sơn (giáp địa phận bản Thuông Cuông, xã Vân Hồ) (quy hoạch 30 m)	8.590				
-	Đường từ Quốc lộ 6 đến hết địa phận phường Vân Sơn (giáp địa phận bản Thuông Cuông, xã Vân Hồ) (quy hoạch trên 6 m đến 9 m)	6.120				
-	Đường từ Quốc lộ 6 đến hết địa phận phường Vân Sơn, tỉnh Sơn La (giáp địa phận bản Thuông Cuông, xã Vân Hồ) (quy hoạch 6 m)	4.250				
-	Đường Tỉnh lộ 101b (Từ ngã ba Km 64 đến giáp địa phận xã Vân Hồ)	3.510	2.340	960	640	430
6.67.3	Khu dân cư thuộc quy hoạch Hạ tầng bến xe khách Mộc Châu và khu dân cư lân cận tại tổ dân phố Hoa Đào, phường Vân Sơn					
-	Tuyến đường nội thị khu dân cư quy hoạch 8,5 m	6.120				
-	Tuyến đường nội thị khu dân cư quy hoạch 5,5 m	4.250				
6.70	Xã Phiêng Khoài					
	Trung tâm xã Phiêng Khoài					
-	Dọc tuyến đường QL6C (trừ trung tâm xã Phiêng Khoài)	280	260	240	190	150
-	Đất ở nông thôn còn lại trên địa bàn xã Phiêng Khoài	120	90	85	80	70



PHỤ LỤC 03: BỔ SUNG GIÁ ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 19/10/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: nghìn đồng/m²

STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
7.1	Xã Đoàn Kết					
-	Từ km 46+800 theo Quốc lộ 43 đến Km 45+590	340	205	155	100	80
-	Từ Km 45+590 theo quốc lộ 43 đến Nhà Văn Hóa bản đoàn kết	490	155	115	90	80
-	Tuyến đường liên bản Tà Lại đến Nong Cụt (thuộc xã Tà Lại cũ)	255	155	115	90	80
-	Khu tái định cư Pa Lay bản Đoàn Kết (xã Nà Mường cũ)	165	130	100	85	80
-	Khu tái định cư Trai Sơn bản Suối Mồ (xã Tà Lại cũ)	165	130	100	85	80
-	Khu tái định cư Trai Tôn bản Tà Lọt (xã Tà Lại cũ)	165	130	100	85	80
7.5	Xã Song Khùa					
7.7.1	Các tuyến đường trục chính, khu dân cư trên địa bàn xã					
-	Cách ngã ba bản Co Súc 500m vào đến hết đường bê tông khu sản xuất Pi Nguộc	130	120	110	80	
-	Từ ngã ba cách trụ sở UBND xã Song Khùa về ba hướng 500m bản Lóng Khùa đường đi hết bản Co Hó cũ	120	110	90	70	
-	Từ ngã ba cách trụ sở UBND xã Song Khùa về ba hướng 500m bản Lóng Khùa đường đi hết đến bờ sông (hết bản Un)	130	110	100	80	
-	Từ ngã ba bản Tầm Phế cũ đường đi bản Liên Hoà cách 500m đi đến hết đường bê tông bản Song Hưng cũ, bản Suối Sấu cũ	130	110	80	70	
-	Từ ngã ba (bản Nôn cũ) đường đi Liên Hoà cách 500m đi đến hết đường bê tông bản Lẩn	130	110	80	70	
-	Từ ngã ba cách trụ sở UBND xã Liên Hoà cũ đi Tường Liên 500m vào bản Lẩn đến hết Pu Nhay (bản Tà Phù cũ) về ba hướng	130	110	80	70	
-	Từ cách Tỉnh lộ 101 500m đi hết đường bê tông bản Tân Thành	130	110	90	70	
-	Từ cách Tỉnh lộ 101 500m (bản Nhúng cũ) đi hết đường bê tông bản Pù Hiêng	110	100	80	60	
-	Từ cách tỉnh lộ 101 500m bản Chiềng Ban cũ đi hết đường bê tông bản Mường Tiễn về ba hướng	110	100	80	60	
-	Từ cách trụ sở UBND xã Quang Minh cũ 500m đi bản To Ngùi; giáp bản Mường Tiễn (bản Lòm cũ)	110	100	80	60	
-	Từ cách ngã ba đường đi Đền Hang Miếng 500m đến hết bản Coong	110	100	80	60	
7.7.2	Các khu dân cư còn lại trên địa bàn xã (trừ các khu vực đã quy định giá đất)	110	90	80	60	
7.6	Xã Tô Múa					
7.6.1	Tỉnh lộ 101 (từ QL 6 đến bờ sông đền Hang Miếng)					
-	Từ đường rẽ trường Mầm non Tô Múa hết khu dân cư bản Bó Khảm (giáp ranh giới xã Song Khùa cả 2 hướng	140	115	85	70	60
7.6.2	Tỉnh lộ 101 (Quốc lộ 43 đi trung tâm xã Chiềng Khoa cũ)					
-	Quốc lộ 43 đoạn hết địa phận phường Vân Sơn Đi bản Tin Tốc (bản Phú Khoa cũ)	630	100	80	70	60
7.6.3	Từ tỉnh lộ 101 đến trung tâm xã Suối Bàng cũ					
-	Từ đường rẽ Hợp Nhất đến bản Chiềng Sôi đến ngã 3 bản Pư Lai (bản Âm cũ)	175	140	105	95	70
7.9	Xã Mường Chiên					
-	Từ ngã 3 bản Phiêng Bay đến cầu trần bản Ít Ta Bót	80	70	65	60	55
-	Từ ngã 3 bản Pháy Suông đến cụm dân cư Ít Pháy (bản Pháy Suông)	80	70	65	60	55
-	Từ ngã 3 bản Có Luông đến cầu trần bản Ít Ta Bót	120	85	65	60	55
-	Từ ngã 3 bản Có Luông đến cổng Có Luông	120	85	65	60	55
-	Từ cổng Có Luông đến hết địa phận bản Khâu Pùm	80	70	65	60	55
-	Từ ngã 3 đường 107 (cụm dân cư Có Nội) đến ngã 3 đường đi Khau Pùm	100	80	70	60	55
-	Ngã 3 sân thể thao bản Cà Nàng đến ngã 3 đường đi Pho Pha	100	80	70	60	55
-	Từ cổng chào bản Ít Ta Bót đến khu dân cư tái định cư Ít Ta Bót	120	85	65	60	55

STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ ngã 3 nhà văn hóa bản Có Luông đến ngã 3 nhà ông Hoàng Văn Điêu (đường đi Ít Ta Bót)	100	80	70	60	55
-	Từ mét cổng thoát nước nhà quán ông Lường Văn Thiết (bản Có Nội) đến nhà quán ông Hoàng Văn Thuyền (bản Lọng Ó)	120	85	65	60	55
-	Đất ở thuộc địa bàn các bản theo trục đường chính nội bản của xã Mường Chiên (trừ khu vực đã quy định giá đất)	100	80	70	60	55
7.12	Xã Thuận Châu					
-	Khu dân cư nông thôn bản Mòn, xã Thuận Châu	700				
-	Đất ven các tuyến đường còn lại trên địa bàn xã Thuận Châu (trừ khu vực đã được quy định giá đất)	210	130	100	90	70
7.13	Xã Chiềng La					
	Các đường nhánh nối với Quốc lộ 6B (Nong Lay - Chiềng La - Chiềng Pha)					
-	Các đường nhánh tại các bản: Sen To, Lá Lốm, Chiềng Cang, Liên Minh, Phiêng Nong, Huổi Lọng và bản Cọ (trừ lô đất giáp đường QL 6B)	450	270	210	140	100
-	Các tuyến đường còn lại quanh khu vực xã Chiềng La (trừ các khu vực đã được quy định giá đất)	100				
7.16	Xã Mường Khiêng					
-	Tuyến đường tỉnh lộ 116 tại Km 27+500 – Km 31+600 (Ngã 3 bản Bó - Ngã 3 bản Nà Sành)	350	280	210	140	110
-	Tuyến đường nhánh tỉnh lộ 116 tại Km 0 – Km 2+100 (Ngã 3 bản Nà Sành - Tổng Cọ cũ)	350	280	210	140	110
7.19	Xã Mường É					
-	Đất trục đường QL6 thuộc xã Mường É	320	210	130	110	
-	Ngã ba QL6 rẽ xuống xã đến cổng Trường Tiểu học Mường É	210	170	135	100	70
-	Cổng Trường Tiểu học Mường É (Trụ sở UBND xã Mường É cũ) đến cầu Ta Ve bản Chiềng Ve	490	320	250	170	110
-	Từ cầu Ta ve bản Chiềng Ve dọc trục đường TL 117 hết ranh giới bản Phạ Lụ	250	210	135	100	70
-	Từ đỉnh dốc Pu Kéo Cắm giáp bản Phạ Lụ đến ngã ba Nhà văn hóa bản Mầu Thái	210	170	135	100	70
-	Ngã ba Nhà văn hóa Mầu Thái đến hết cầu Ta Bó Săn bản Mầu Thái	250	210	135	100	70
-	Từ cầu Ta Bó Săn bản Mầu Thái đến Ngã ba bản Lấp (đầu điểm rẽ đi bản Nà Khoang)	210	170	135	100	70
-	Ngã ba bản Lấp đi hướng bản Nà Khoang đến Nhà Văn hóa bản Nà Khoang (TL 117)	250	210	135	100	70
-	Từ nhà văn hóa bản Nà Khoang dọc trục TL 117 đến đầu cầu bản Nghịu	210	170	135	100	70
-	Từ đầu cầu bản Nghịu đến hết địa phận xã Mường É (giáp bản Tịm xã Thuận Châu)	250	210	170	135	100
-	Chợ Phổng Lập về hai hướng gồm: (1). Chợ Phổng Lập đến cầu Hua Lù, bản Kẹ. (2). Chợ Phổng Lập đến ngã ba bản Lấp (Đường TL117)	350	160	100	70	65
-	Từ cầu Hua Lù thuộc bản Lù, bản Kẹ đến hết địa phận bản Kéo Sáo (giáp bản Ngà Phát xã Bình Thuận)	210	170	135	100	70
-	Từ ngã ba đường rẽ thuộc bản Nà Khoang (điểm đầu tuyến đường bê tông) đến hết địa phận bản Pá Sàng xã Mường É giáp xã Long Hẹ	135	100	70	65	
-	Điểm rẽ từ đường Long Hẹ - Phổng Lập vào bản Huổi Ít (đến Nhà văn hóa bản)	70	65	60		
-	Điểm rẽ từ đường Long Hẹ - Phổng Lập vào bản Ta Tú (đi qua điểm Trường Mầm Non Ta Tú 300 mét)	100	70	65	60	
7.20	Xã Long Hẹ					
7.20.1	Bản Hua Ty (xã Nậm Lầu) đến bản Cha Mạy (xã Long Hẹ)					
-	Từ đất nhà ông Và A Chứ (bản Cha Mạy) đến đất nhà ông Lầu A Thào (bản Cha Mạy)	280	170	130	90	60
7.20.2	Đường Long Hẹ - Phổng Lập					

STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Từ đất nhà ông Lầu A Thảo (bản Cha Mạy) đến đất nhà ông Lầu A Dia (bản Cha Mạy)	280	170	130	90	60
7.21	Xã Mường La					
	Trung tâm xã Pi Toong, xã Chiềng San, xã Nậm Pấm, xã Mường Trai, xã Chiềng Muôn cũ (nay thuộc xã Mường La)					
-	Tuyến đường ĐT.111 thuộc khu dân cư bản Lâm, bản Chiến, bản Nong Luông	140	115	85	75	65
-	Tuyến đường trục liên bản (trừ các tuyến đường đã được quy định giá)	110	90	80	70	65
7.23	Xã Mường Bú					
	Trung tâm xã Mường Bú, xã Tạ Bú, xã Mường Chùm (nay thuộc xã Mường Bú)					
-	Đường khu dân cư bản Mường Bú	3.850	3.150	1.400	700	490
-	Từ bãi đã sè đến đầu cầu bản Két cũ (nay thuộc bản Tạ Bú)	1.120	700	490	280	180
-	Từ ngã ba cầu vạn bú đi qua bản Thảm Hon cũ (nay thuộc bản Pá Tong) đến hết địa phận xã Mường Bú	210	130	110	80	70
-	Từ đường QL 279D đến hết địa phận bản Chón	140	110	80	70	65
7.25	Xã Bắc Yên					
7.27.1	Đường nội thị xã Bắc Yên					
-	Từ ngã ba khách sạn Paris Bắc Yên đến khu nhà ông Lường Văn Hoan	2.800	1.390	1.040	690	420
-	Từ khu nhà ông Lường Văn Hoan đến Bệnh viện Đa Khoa Bắc Yên	2.450	1.300	970	650	390
-	Từ hết đất Bệnh viện Đa Khoa Bắc Yên đến ngã ba đầu nối với Quốc lộ 37	2.010	690	530	350	210
7.27.2	Tỉnh lộ 112 xã Bắc Yên đi các bản					
-	Từ điểm Tụ hóa Bão Hòa đến ngã ba Có một đôi hoa	410	180	140	80	65
-	Từ ngã ba điểm Có một đôi hoa đến A Chu Homestay	350	110	80	70	65
-	Từ điểm ngã ba Có một đôi hoa đến Thảo Nguyên Xanh Homestay	350	110	80	70	65
-	Từ điểm Thảo Nguyên Xanh Homestay đến Nhà Máy Thủy Điện Suối Sập 1	320	110	80	70	65
7.26	Xã Tà Xùa					
	Các đường khu vực xã Tà Xùa					
-	Từ hết đất bản Tà Xùa (Khu Mống Vàng) đến hết đất bản Bẹ (dọc theo tuyến đường bê tông)	360	160	120	90	60
-	Từ hết đất bản Bẹ đến đập thủy điện Suối Sập 1 (bản Thảo Nguyên), dọc theo tuyến đường bê tông	360	160	120	90	60
7.31	Xã Phù Yên					
	Tuyến đường xung quanh hồ Noong Bua		450	290	210	
7.32	Xã Gia Phù					
7.32.1	Khu vực trung tâm xã Gia Phù, xã Tường Phù, xã Suối Bau cũ (nay thuộc xã Gia Phù)					
	Trung tâm ngã ba gia phù đi 3 hướng					
-	Từ cầu suối Hồng Cà (Bản Tạo) đến cầu Suối Hiền (Bản Nhọt)	570	450	295	200	85
7.32.2	Từ cầu suối Bùa (Bản Bùa Chung) đến nhà Từ nhà Lò Văn Phường (Bản Bùa Chung)					
-	Từ nhà Lò Văn Phường (Bản Bùa Chung) đến giáp đất xã Tường Hạ (Bản Bùa Hạ)	1.160	700	530	320	210
-	Từ nhà Lò Văn Phường (Bản Bùa Chung) đến nhà Hoàng Văn Thịnh (Bản Bùa Chung)	1.390	840	570	260	200
7.38	Xã Yên Châu					
-	Ngã ba (nhà Kéo Liền) trên tuyến đường Thao trường bắn đến ngã ba Trường THCS (bản Pút) đi Trụ sở xã Chiềng Khoi cũ	130	100	80	75	70
-	Đường Q.L.6 đi bản Na Pa, xã Sập Vạt trước đây (nay là xã Yên Châu) tuyến đường dài 8 km	130	100	80	75	70

STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Đường Q.L.6 (cầu Chiềng Đông 1) đi bản Na Pân, tuyến đường dài 2 km	210	130	100	75	70
7.39	Xã Chiềng Hặc					
7.39.1	Tuyến đường liên bản Bản Cổ Nông - cầu bản Cổ Nông					
	Bản Cổ Nông - cầu bản Cổ Nông (trục đường chính)	230				
7.39.2	Tuyến đường thị trấn Bản Cang					
-	Từ ngã 3 đường bản Cang đến qua cầu 200m	460				
-	Từ ngã 3 đi bản Pa Hốc đến giáp địa phận xã Yên Châu	140				
7.39.3	Từ ngã 3 Pa Hốc đến giáp bản Suối Phà Đường nội bản bản Pa Hốc	110				
7.39.4	Trục đường giao thông tại các bản					
-	Tuyến bản Na Khoang (cũ), Chiềng Ban 1,2 (cũ) nay là bản Chiềng Ban trục đường giao thông nông thôn chính	170				
-	Đường giao thông nông thôn chính nối các bản Huổi Mong, Suối Phà	140				
-	Đường nội bản bản Bó Kiếng, Co Sáy	110				
-	Đường nội bản bản Tà Vải; Văng Lũng (trục đường chính)	420				
-	Đường Nội bản bản Tà Làng Cao (từ đầu bản đến đầu cầu bản Tà Làng Cao (đọc trục đường chính)	250				
-	Tuyến đường nội bản các bản, bản Đào, bản Ôn Ốc (tính từ đầu bản đến hết đường bê tông)	110				
-	Tuyến đường nội bản Nà Ngà	320				
7.40	Xã Lóng Phiêng					
	Tuyến đường dọc theo Quốc Lộ 6C					
	Từ địa phận giáp ranh xã Chiềng Hặc cho đến hết đất bản Mỏ Than (ngoại trừ khu vực trung tâm xã đã có quy định giá riêng)	590	410	290	130	80
7.43	Xã Mai Sơn					
7.43.1	Đường Cà Văn Khum					
-	Từ ngã tư Nông trường dọc theo đường Hát Lót-Tà Hộc + 450 m	5.670	2.835	2.130	1.425	945
7.43.2	Đường bản Dôm					
-	Từ ngã ba (Quốc lộ 6) đi về hướng trường Phổ thông Trung học Mai Sơn 300 m	3.825	1.915	1.435	960	640
7.43.3	Quốc Lộ 37					
-	Từ Đài tưởng niệm Thanh niên xung phong đi 200m theo hướng đi bản Nong Quỳnh đến hết địa phận xã Mai Sơn	490	350	210	140	70
-	Từ Quốc lộ 6 cũ đến Ngã Ba Dốc đá (Km2 + 150m Tỉnh lộ 103 cũ) (Tuyến đường Quốc Lộ 37 đi xã Phiêng Păn)	590	350	270	175	120
-	Từ Km2 + 150m đến hết địa phận xã Mai Sơn (Tuyến đường Quốc Lộ 37 đi xã Phiêng Păn)	420	280	180	120	100
7.43.4	Các đường nhánh khác					
-	Các tuyến đường còn lại thuộc khu vực thị trấn Hát Lót cũ	700	490	340	240	170
-	Các tuyến đường còn lại thuộc khu vực xã Hát Lót cũ và xã Cò Nòi cũ	460	290	200	140	100
7.43.5	Đường Hát Lót - Chiềng Mung					
-	Từ ngã ba địa chất (Km 277 + 300m Quốc lộ 6) + 40m đến hết đoàn địa chất 305	490	255	190	130	85
-	Từ hết đất đoàn địa chất 305 đến ngã ba bản Nà Tiến (cũ)	590	250	190	130	80
7.44	Xã Phiêng Păn					
	Trục đường giao thông chính, khu dân cư					
-	Tuyến đường Quốc Lộ 37 đi bản Chi đến Quốc lộ 6C	530	390	320	180	110

STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
-	Tuyến đường từ trung tâm xã Phiêng Pản (Két Hay - Pá Nổ) đi đến trạm Cọ (Quốc lộ 4G)	530	390	320	180	110
7.45	Xã Chiềng Mung					
7.45.1	Quốc lộ 4G					
-	Đường từ ngã ba bản Mạt (ngã 3, 4G) đi trung tâm cai nghiện tỉnh hết địa phận xã Chiềng Mung	525	210	165	105	70
7.45.2	Đường tỉnh lộ 118					
-	Từ ngã ba Quốc lộ 6 + 40m bản Bôm Cua đi khu Công nghiệp Mai Sơn	770	540	380	270	190
7.51	Xã Chiềng Khương					
-	Từ Quốc lộ 4G đến cửa khẩu Chiềng Khương	175	140	105	95	70
7.56	Xã Sông Mã					
	Trục đường giao thông chính; khu dân cư					
-	Đường Lê Văn Lương: Đoạn từ hết đất nhà ông Trần Văn Tiến số nhà 20 đến hết đường	1.430	1.080	710	360	210
-	Từ hết quán Tam Dinh đến hết đất ông Tường Thế Tá và đoạn hết quán Tam Dinh đến ngã ba nhà ông Quyền Hoan	1.100	660	500	340	170
-	Từ hết nhà ông Tường Thế Tá (số nhà 20) đến ngã ba nhà ông Hải Thuyên	1.430	840	520	320	190
-	Đường Lê Quý Đôn (Đoạn từ hết đất nhà ông Đỗ Ngọc Thảo đến hết đường (Trường THPT Sông Mã phân hiệu 2)	1.680	1.050	600	360	250
-	Đường Chu Văn An (Đoạn từ hết đất nhà ông Lò Văn Chính đến ngã ba giao nhau với đường Lê Quý Đôn)	1.650	990	600	360	220
-	Đất các khu dân cư ven trục giao thông chính trên địa bàn xã Sông Mã (trừ các khu vực đã quy định giá đất)	100	85	80	75	70
7.59	Xã Sốp Cộp					
7.59.1	Đường khu tái định cư D18-D19-D78-D79 (khu TT hành chính xã Sốp Cộp)					
-	Từ D16 (Ngã tư Ngân hàng An Bình) đi D18 đến đất Thuê cơ sở 5, hai bên đường	360	320			
7.59.2	Các đoạn đường ven trung tâm xã Sốp Cộp					
-	Từ hết đất ông Cà Văn Bình bản Nà Dĩa đến ngã ba hướng đi bản Tông Hùm, hai bên đường	150	110	80	70	60
-	Các tuyến đường còn lại đi vào các bản (trừ các tuyến đã được quy định chi tiết tại bảng giá đất)	110	80	75	70	55
-	Các tuyến đường tại các bản: Bản Hua Mường, bản Sốp Cộp, bản Nà Lốc, bản Sốp Nặm, bản Nà Sài, bản Ban, bản Pe và bản Nà Dĩa (xã Sốp Cộp cũ), hai bên đường	140	110	80	70	55
7.61	Phường Tô Hiệu					
-	Đường giao thông 2A, 2B, 2C Khu quy hoạch dân cư OC - 01 và OC - 04					
-	Đường quy hoạch rộng 11,5 m	11.900				
7.62	Phường Chiềng An					
-	Từ đầu đường Lò Văn Giá (cạnh trường THCS Chiềng An) đến đường asphalt bên kè từ bản Hải xuống đến bản Phiêng Ngùa	2.395	1.470	1.050	700	490
-	Khu dân cư bản Có Thét; bản Nam Nghè; bản Nam Giáng phường Chiềng An	110				
7.64	Phường Chiềng Sinh					
-	Tuyến đường từ chân dốc Noong Đúc đến hết ngã tư bản Pắc Ma (đoạn giao nhau giữa đường rẽ đi tổ 4 và đường đi tổ 7 phường Chiềng Sinh	2.100	1.470	1.030	720	530
7.65	Phường Mộc Châu					
-	Đường từ Ngã ba rẽ vào cầu kính Bạch Long (ĐT.102) đến hết địa phận phường Mộc Châu	4.550	4.200	3.150	2.450	1.750
-	Từ Ngã ba QL 43 rẽ vào chùa Vạt Hồng đến hết thửa đất số 118 tờ bản đồ số 57 (Bản đồ 1999-2000)	1.750	1.260	840	560	420
7.66	Phường Mộc Sơn					

STT	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
7.66.1	Khu Tái định cư tổ dân phố 5 phường Mộc Sơn (thuộc Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng và san nền khu dân cư tiểu khu 1)					
-	Tuyến đường trục chính đô thị - nội thị	4.970				
-	Tuyến đường nội thị khu Tái định cư tổ dân phố 5 (quy hoạch 13,5m)	2.800				
-	Tuyến đường nội thị khu Tái định cư tổ dân phố 5 (quy hoạch 11,5m)	1.610				
7.66.2	Tuyến đường bờ kè 34	2.800				
7.67	Phường Vân Sơn					
7.67.1	Phố Tô Vĩnh Diện					
-	Từ Ngã tư khách sạn Trường Giang (hướng đi về xưởng bột) đến hết địa phận xã Vân Sơn	5.240	3.950	2.580	1.770	1.050
7.67.2	Các tuyến đường nội thị khác					
-	Đường từ Quốc lộ 6 đến hết địa phận phường Vân Sơn (giáp địa phận bản Thuông Cuông, xã Vân Hồ) (quy hoạch 30 m)	7.070				
-	Đường từ Quốc lộ 6 đến hết địa phận phường Vân Sơn (giáp địa phận bản Thuông Cuông, xã Vân Hồ) (quy hoạch trên 6 m đến 9 m)	5.040				
-	Đường từ Quốc lộ 6 đến hết địa phận phường Vân Sơn, tỉnh Sơn La (giáp địa phận bản Thuông Cuông, xã Vân Hồ) (quy hoạch 6 m)	3.500				
-	Đường Tỉnh lộ 101b (Từ ngã ba Km 64 đến giáp địa phận xã Vân Hồ)	2.890	1.930	790	530	350
7.67.3	Khu dân cư thuộc quy hoạch Hạ tầng bến xe khách Mộc Châu và khu dân cư lân cận tại tổ dân phố Hoa Đào, phường Vân Sơn					
-	Tuyến đường nội thị khu dân cư quy hoạch 8,5 m	5.040				
-	Tuyến đường nội thị khu dân cư quy hoạch 5,5 m	3.500				
7.70	Xã Phiêng Khoài					
	Trung tâm xã Phiêng Khoài					
-	Dọc tuyến đường QL6C (trừ trung tâm xã Phiêng Khoài)	230	210	200	150	130
-	Đất ở nông thôn còn lại trên địa bàn xã Phiêng Khoài	100	85	80	75	70

PHỤ LỤC 04: ĐIỀU CHỈNH TÊN TUYẾN ĐƯỜNG

(Kèm theo Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 19/10/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

	Tên tuyến đường theo Nghị quyết số 152/2025/NQ-HĐND	Tên tuyến đường sau điều chỉnh
5.1	Xã Đoàn Kết	
1	Quốc lộ 43 từ bản Muống Phiêng Luông đến Bến phà Vạn Yên	
1.5	Từ Nhà văn hóa bản Đoàn Kết đến hết đất nhà Ông Thoan Bích (bản Đoàn Kết)	Từ Nhà văn hóa bản đoàn kết đến hết đất nhà ông Mùi Văn Hòa (bản Kè Tèo)
2	Khu Trung tâm xã Đoàn Kết, xã Chiềng Chung cũ (nay thuộc xã Đoàn Kết)	
2.9	Từ hướng đi xã Tà Lại (cũ) (nay thuộc xã Đoàn Kết) +100m đến đường rẽ vào UBND xã Tà Lại (cũ) (nay thuộc xã Đoàn Kết) + 200m	Sửa đổi STT (từ mục 2.8 xuống mục 2.9)
5.5	Xã Song Khủa	
2	Tỉnh lộ 101	
2.5	Từ cách đường lên trụ sở UBND xã Liên Hòa 500m đến hết đường bê tông đi bản Tường Liên	Từ cách đường lên trụ sở UBND xã Liên Hòa cũ (nay thuộc xã Song Khủa) 500m đến hết đường bê tông đi bản Tân Hợp
5.6	Xã Tô Múa	
2	Tỉnh lộ 101 (Quốc lộ 43 đi trung tâm xã Chiềng Khoa cũ)	
2.2	Từ hết đất nhà máy chế biến nông sản Sơn Hà đến ngã ba bản Mường Khoa	Từ hết đất nhà máy chế biến nông sản Sơn Hà đến ngã ba bản Mường Khoa (rẽ đi xã Vân Hồ)
3	Từ tỉnh lộ 101 đến trung tâm xã Suối Bàng cũ	
3.2	Từ hết đất nhà máy chè Tô Múa đến hết đất khu dân cư bản Liên Hưng	Từ hết đất nhà máy chè Tô Múa đến hết đất khu dân cư bản Hợp Nhất
3.3	Từ hết đất khu dân cư bản Liên Hưng xã Tô Múa đến cách cổng trụ sở UBND xã Suối Bàng cũ 500m	Từ hết đất khu dân cư bản Hợp Nhất xã Tô Múa đến cách cổng trụ sở UBND xã Suối Bàng cũ 500m
4	Tỉnh lộ 101 (đi xã Vân Hồ)	
4.1	Từ ngã ba đường đi bản Không đến đường lên UBND xã Mường Men cũ (nay thuộc xã Vân Hồ) 5000m	Từ ngã ba đường đi bản Nà Chá đến Ngã 3 bản Không
4.3	Từ ngã ba đi bản Chiềng Không đến cách đường lên trụ sở UBND xã Mường Men 500m (thuộc địa phận xã Tô Múa)	Từ ngã ba đi bản Không đến cách đường lên trụ sở UBND xã Mường Men 500m (thuộc địa phận xã Tô Múa)
5.7	Xã Xuân Nha	
1	Tỉnh lộ 102 (đi xã Chiềng Sơn)	
1.1	Tính từ địa phận xã Xuân Nha đến ngã ba bản Nà Hiềng (đi Chiềng Sơn)	Tính từ địa phận xã Xuân Nha đến ngã ba Nà Hiềng bản Xuân Nha (đi Chiềng Sơn)
1.2	Từ ngã ba bản Nà Hiềng đến hết địa phận bản Chiềng Hin, xã Xuân Nha (đi Chiềng Sơn)	Từ ngã ba Nà Hiềng bản Xuân Nha đến hết địa phận Chiềng Hin bản Chiềng Chung, xã Xuân Nha (đi Chiềng Sơn)
		Đường giao thông xã quản lý
1.3	Từ ngã ba Nà Hiềng (Tỉnh lộ 102) đến ngã ba đi bản Tụm - Pù Lầu	Từ ngã ba Nà Hiềng bản Xuân Nha (Tỉnh lộ 102) đến ngã ba Mẩn Oải đi bản Pù Tụm

	Tên tuyến đường theo Nghị quyết số 152/2025/NQ-HĐND	Tên tuyến đường sau điều chỉnh
1.4	Từ ngã ba bản Tụn - Pù Lầu đến hết cầu bản Bướt	Từ ngã ba Mẩn Õi bản Pù Tụn đến hết cầu Bướt bản Tân Xuân
1.5	Cầu bản Bướt đến nhà văn hóa bản Ngà	Cầu khu Bướt đến nhà văn hóa khu Ngà bản Tân Xuân
1.6	Nhà văn hóa bản Ngà đến hết khu dân cư bản Cột Mốc	Nhà văn hóa khu Ngà bản Tân Xuân đến hết khu dân cư bản Cột Mốc
1.7	Cầu bản Bướt đến điểm y tế bản Bướt	Cầu khu Bướt đến điểm y tế bản Tân Xuân
1.8	Từ điểm y tế bản Bướt đến hết khu dân cư bản Sa Lai	Từ điểm y tế bản Tân Xuân đến hết khu dân cư bản Sa Lai
1.9	Ngã ba bản Tư đến hết khu dân cư bản Pù Lầu	Ngã ba Mẩn Õi bản Pù Tụn đến hết khu dân cư Pù Lầu bản Pù Tụn
1.11	Các tuyến đường nội bản các bản: Mường An, Nà An, bản Thín, Chiềng Hìn, Chiềng Nưa, Nà Hiềng, bản Tụn, Thẩm Tôn, bản Bướt, bản Ngà (trừ khu vực đã quy định giá đất)	Các tuyến đường nội bản các bản: Mường An, bản Xuân Nha, Chiềng Chung, bản Pù Tụn, Thẩm Tôn, bản Tân Xuân (trừ khu vực đã quy định giá đất)
5.8	Xã Quỳnh Nhai	
4	Khu đất trường Mầm non cũ xã Chiềng Khoang cũ (nay thuộc xã Quỳnh Nhai)	
4.2	Từ Quốc lộ 6B lên bản Sáng, xã Chiềng Khoang cũ (nay thuộc xã Quỳnh Nhai)	Từ Quốc lộ 6B lên bản Hoa Sắn, xã Chiềng Khoang cũ (nay thuộc xã Quỳnh Nhai).
5.9	Xã Mường Chiên	
1	Trục đường Tỉnh lộ 107	
1.2	Từ hết địa phận xã Mường Giôn đến hết địa phận đất nhà công vụ xã Mường Chiên (nay thuộc xã Mường Chiên)	Từ hết địa phận xã Mường Giôn đến mép cống thoát nước nhà quán ông Lường Văn Thiết (bản Có Nội)
1.3	Từ ngã 3 Huổi Kẹm, bản Phiêng Pay đến hết địa phận xã Chiềng Khay cũ (nay thuộc xã Mường Chiên) (giáp ranh giới Lai Châu)	Đường 107: Từ ngã 3 Huổi Kẹm, bản Phiêng Pay đến hết địa phận xã Chiềng Khay cũ (nay thuộc xã Mường Chiên) (giáp ranh giới Lai Châu)
2	Trục đường chính	
2.9	Từ cổng chào văn hóa bản Có Luông đi bản Khâu Pùm (hết địa phận xã Mường Chiên)	Từ Chân dốc Đông Hiêm đến cổng bản Có Luông
5.12	Xã Thuận Châu	
1	Đoạn từ cầu trên đường Tây Bắc giáp chợ hướng Sơn La (Cae 2 bên đường)	
1.1	Đường Tây Bắc (Hướng đi Sơn La)	
-	Từ Km 335 + 750m (từ cầu suối cạn đi đường Trung Dũng - Tiểu khu 6) đến đường vào Bệnh viện đa khoa khu vực Thuận Châu	Từ Km 335 + 750m (từ cầu suối cạn đi đường Trung Dũng - thôn 5) đến đường vào Bệnh viện đa khoa khu vực Thuận Châu
1.3	Đường Tây Bắc (Hướng đi Điện Biên)	
-	Từ hết Km 335+750m (từ cầu suối cạn đường vào phòng Giáo dục tiểu khu 6 thị trấn đến Km 336+100m (đến đầu lên phố Nguyễn Lương Bằng)	Từ hết Km 335+750m (từ cầu suối cạn đi đường Trung Dũng - thôn 5) đến Km 336+100m (đến đầu lên phố Nguyễn Lương Bằng)
2	Đường 21-11 (Hướng đi Điện Biên)	
2.1	Từ hết Km 336 + 530m (Từ cách ngã ba đường 21-11 đường đi Co Mạ hướng đi Điện Biên 20m) đến Km 337 + 420m (đến hết đất hồ Noong Hoi tiểu khu Ta Ngàn, xã Thuận Châu)	Từ hết Km 336 + 100m (Từ đầu lên phố Nguyễn Lương Bằng) đến Km 336 + 280m (đến khu đất hạt 108)

	Tên tuyến đường theo Nghị quyết số 152/2025/NQ-HĐND	Tên tuyến đường sau điều chỉnh
2.3	Từ hết Km 336 + 530m (Từ cách ngã ba đường 21-11 đường đi Co Mạ hướng đi Điện Biên 20m) đến Km 338 + 260m (đến hết đất hồ Noong Hoi bản Bó xã Chiềng Ly)	Từ hết Km 336 + 530m (Từ cách ngã ba đường 21-11 đường đi Co Mạ hướng đi Điện Biên 20m) đến Km 337 + 420m (đến hết đất hồ Noong Hoi bản Bó, xã Thuận Châu)
2.4	Từ Km 337+420m (Từ khu vực hồ Noong Hoi, tiểu khu Ta Ngần, xã Thuận Châu) đến Km 338 + 260m (Đến khu vực nghĩa trang bản Coóng)	Từ Km 337+420m (Từ khu vực hồ Noong Hoi, bản Bó, xã Thuận Châu) đến Km 338 + 260m (Đến khu vực nghĩa trang bản Coóng)
11	Phố Lê Hữu Trác (Cả hai bên)	
11.3	Các tuyến đường thuộc khu dân cư Tiểu khu 9	Các tuyến đường thuộc khu dân cư Tiểu khu 9, thị trấn Thuận Châu cũ
15	Từ ngã 3 Quốc lộ 6 hướng đi Sơn La (hai bên đường)	
15.2	Từ hết Km 327+400m (hết khu đất chợ) đến Km 327+300m (đến hết đất nhà ông Nhả Loan Tiểu khu 1 Tông Lạnh)	Từ hết Km 327+400m (hết khu đất chợ) đến Km 327+220m (Đến hết cây xăng dầu Lương Thực - Thôn 1)
15.4	Từ hết Km 327+220m (từ giáp đất cây xăng dầu Lương Thực TK 1 đến Km 326+775m (Giáp cầu Vòm Chiềng Pắc)	Từ hết Km 327+220m (từ giáp đất cây xăng dầu Lương Thực Tiểu khu 1 Tông Lạnh cũ đến Km 326+775m (Giáp cầu Vòm (Chiềng Pắc cũ))
16	Từ Trung tâm đường Quốc Lộ 6 hướng đi Quỳnh Nhai (hai bên đường Quốc lộ 6B)	
16.2	Từ hết Km 00+ 250m (từ giáp đất nhà ông Dung Bán cũ) đến ngã ba bản Bai (giao với đường Quốc Lộ 6B) (Tiểu khu 4 Tông Lạnh)	Từ hết Km 00+250m (từ giáp đất nhà ông Dung Bán cũ) đến ngã ba bản Bai (giao với đường Quốc Lộ 6B) (Tiểu khu 4 Tông Lạnh cũ)
17	Trung tâm ngã ba đường Quốc lộ 6 hướng đi Thuận Châu	
17.1	Từ ngã ba Quốc lộ 6 Km 328+200m (Đường đi Quỳnh Nhai) đến Km 328+400 m (Đến hết đất cửa hàng xăng dầu Tiểu khu 3 Tông Lạnh)	Từ ngã ba Quốc lộ 6 Km 328+200m (Đường đi Quỳnh Nhai) đến Km 328+400 m (Đến hết đất cửa hàng xăng dầu (Tiểu khu 3 Tông Lạnh cũ))
17.2	Từ hết Km 328 + 360m (Từ giáp đất cửa hàng xăng dầu Tiểu khu 3 Tông Lạnh) đến Km 328 + 600m (Đến hết đất nhà ông Quảng Sơ bản Cuồng Mường xã Tông lạnh)	Từ hết Km 328 + 360m (Từ giáp đất cửa hàng xăng dầu - Thôn 3) đến Km 328 + 600m (Đến hết đất nhà ông Quảng Sơ bản Công Mường, xã Thuận Châu
17.3	Từ Km 328 + 600m (hết đất nhà ông Quảng Sơ bản Cuồng Mường xã Tông Lạnh cũ) đến khu đất ao quốc phòng	Từ Km 328 + 600m (hết đất nhà ông Quảng Sơ bản Cuồng Mường xã Tông Lạnh cũ) đến hết đất quán ăn Hương Rừng
19	Trung tâm xã Chiềng Pắc, xã Phổng Ly, xã Thôm Mòn cũ (nay thuộc xã Thuận Châu)	
19.2	Từ cách cổng nhà máy Xi măng 100m hướng đi Thuận Châu đến hết đất Trung tâm dịch vụ nông nghiệp (đường vào bản Xi Măng)	Từ cách cổng nhà máy Xi măng 100m hướng đi Thuận Châu đến hết đất Trung tâm giáo dục thường xuyên Thuận Châu (đường vào bản Xi Măng)
19.3	Từ hết đất Trung tâm dịch vụ nông nghiệp (đường vào bản Xi Măng) đến cầu Vòm	Từ hết đất Trung tâm giáo dục thường xuyên Thuận Châu (đường vào bản Xi Măng) đến Cầu Vòm
5.13	Xã Chiềng La	
1	Quốc lộ 6B (cả 2 bên)	
1.9	Đoạn đường từ cầu bản Hinh đến hết đất nhà Đinh Văn Hùng	Đoạn đường từ cầu bản Hinh đến giáp đất xã Thuận Châu
2	Quốc lộ 6B Nong Lay - Chiềng La - Chiềng Pha (cả 2 bên)	

	Tên tuyến đường theo Nghị quyết số 152/2025/NQ-HĐND	Tên tuyến đường sau điều chỉnh
2.1	Từ đất nhà ông Cà văn Thuận đến hết đất ông Bạc Cầm Cấp	Từ đất nhà ông Cà Văn Thuận (ngã 3 Chiềng Cang) đến hết đất ông Bạc Cầm Cấp
3	Tỉnh lộ 116 (cả 2 bên)	
3.1	Từ đất nhà Lò Văn Xôm đến đất nhà ông Quảng Văn Ngán	Đoạn đường từ cầu bản Hình đến giáp đất xã Mường Khiêng
3.2	Từ đất nhà ông Lò Văn Hoá đến giáp đất xã Mường Khiêng	Từ đất nhà ông Lò Văn Hoá (bản Mện) đến giáp đất xã Mường Khiêng
4	Các đường nhánh nối với Quốc lộ 6B	
4.2	Từ Cổng trào bản Cọ đến Cổng trào bản Phé 2,5 km	Từ Cổng trào bản Cọ đến hết đất ông Quảng Văn Tom (trừ lô đất giáp đường QL 6B)
4.3	Từ nhà ông Pầu đến nhà ông Sai 1km	Từ đầu ngõ nhà ông Pầu (Nhâm) đến hết đất Nhà văn hoá bản Phé (trừ lô đất giáp đường QL 6B)
4.4	Từ nhà xưởng ông Cường đến nhà ông Ông 0,9 km	Từ đầu ngõ nhà xưởng ông Cường đến hết đất ông Quảng Văn Tiêng bản Phé (trừ lô đất giáp đường QL 6B)
4.5	Từ nhà ông Bốn đến nhà ông Chinh 1km	Từ đầu ngõ nhà ông Bốn đến hết đất ông Chinh Anh (trừ lô đất giáp đường QL 6B)
4.6	Từ nhà bà Lệ đến nhà ông Thích 0,5 km	Từ đầu ngõ nhà bà Lệ đến hết đất ông Pầu (trừ lô đất giáp đường QL 6B)
4.8	Từ nhà ông Lánh đến nhà ông Dũng 0,2km	Từ đầu ngõ nhà ông Lánh đến hết đất ông Lò Văn Sơ bản Bó Mạ (trừ lô đất giáp đường QL 6B)
5	Các đường nhánh nối với Quốc lộ 6B (Nong Lay - Chiềng La - Chiềng Pha)	
5.1	Từ nhà ông Chiến đến nhà ông Thoan Huy 0,8 km	Từ nhà ông Chiến (chính) đến nhà ông Thoan Huy bản Chiềng La (trừ lô đất giáp QL6B)
5.2	Từ nhà ao ông Tùng đến hết cuối bản Song 4,5km	Từ hết đất ông Hoa đến hết đất ông Lò Văn Đồi bản Song (trừ lô đất giáp QL6B)
5.3	Từ nhà ông Ninh (Hương) đi ra quốc lộ 6 b 1,5km	Từ ngã ba đi Nong Lanh đi ra Quốc lộ 6b hướng qua bản Nong Lanh cũ đến đầu đường QL6B (trừ lô đất giáp QL6B)
6	Các đường nhánh nối với đường tỉnh lộ 116	
6.1	Từ nhà ông Kiên Nhẫn đi vào bản Huổi táp 1,5km	Từ ngõ nhà ông Kiên Nhẫn đi vào bản Huổi Táp (1,5km) (trừ lô đất giáp đường tỉnh lộ 116)
6.2	Từ ngã ba bản Lê đi vào bản Bay giáp xã Chiềng Đen Thành Phố 9km	Từ ngã ba bản Lê đi vào bản Bay đến giáp xã Chiềng Đen Thành Phố Sơn La (cũ) (9km) trừ lô đất giáp đường tỉnh lộ 116)
5.20	Xã Long Hẹ	
1	Bản Hua Ty (xã Nậm Lầu cũ) đến bản Cha Mạy (xã Long Hẹ)	Bản Hua Ty (xã Nậm Lầu) đến bản Cha Mạy (xã Long Hẹ)
1.2	Từ nhà ông Thảo Chữ Trĩa (bản Co Nhừ) đến nhà thờ Bác Hồ (Cha Mạy)	Từ nhà ông Thảo A Thành (bản Co Nhừ) đến nhà thờ Bác Hồ (bản Cha Mạy)
5.21	Xã Mường La	
15	Trung tâm xã Pi Toong, xã Chiềng San, xã Nậm Păm, xã Mường Trai, xã Chiềng Muôn cũ (nay thuộc xã Mường La)	
15.1	Từ ngã ba điểm trạm y tế Pi Toong đi các hướng trục chính 800m	Từ ngã ba điểm trạm y tế Pi Toong đi các hướng trục chính 1.500m
15.9	Từ cổng trường bán trú TH&THCS Mường Trai đến điểm trạm y tế Mường Trai	Các trục đường chính trong khu dân cư của bản Mường Trai

	Tên tuyến đường theo Nghị quyết số 152/2025/NQ-HĐND	Tên tuyến đường sau điều chỉnh
5.23	Xã Mường Bú	
2	Trung tâm xã Mường Bú, xã Tạ Bú, xã Mường Chùm (nay thuộc xã Mường Bú)	
2.10	Từ cổng UBND Tạ Bú cũ (nay thuộc xã Mường Bú) đi các hướng trục chính 200m	Từ cầu bản Mòn đến trụ sở UBND xã Tạ Bú cũ
5.26	Xã Tà Xùa	
1	Tỉnh lộ 112 xã Tà Xùa	
1.2	Đoạn từ nhà ông Trịnh Xuân Lộc ngã ba Tỉnh lộ 112 - Háng Đồng dài 800m	Tỉnh lộ 112: Đoạn từ nhà ông Trịnh Xuân Lộc đến ngã ba Tỉnh lộ 112 đi Háng Đồng dài 800m
1.3	Đoạn tiếp giáp ngã ba tỉnh lộ 112 - Háng Đồng, theo Tỉnh lộ 112 đi về phía xã Làng Chếu cũ (nay thuộc xã Tà Xùa) 300m	Đoạn tiếp giáp ngã ba tỉnh lộ 112 - Háng Đồng, theo Tỉnh lộ 112 đi về phía xã Làng Chếu cũ 300m
1.5	Đoạn từ nhà ông Phông đến Cua bể nước đầu nguồn Suối Cao thuộc bản Cáo A xã Làng Chếu cũ (nay thuộc xã Tà Xùa) dài 500m	Đoạn từ nhà ông Phông đến Cua bể nước đầu nguồn Suối Cao thuộc bản Làng Cao (bản Cáo A xã Làng Chếu cũ) dài 500m
1.10	Đoạn từ ngã ba 112 đi hướng xã Háng Đồng cũ (nay thuộc xã Tà Xùa) dài 400m	Đoạn từ ngã ba 112 đi hướng xã Háng Đồng cũ dài 400m
2	Các đường khu vực xã Háng Đồng, xã Làng Chếu cũ (nay thuộc xã Tà Xùa)	Các đường khu vực xã Tà Xùa
2.1	Từ cổng trụ sở UBND xã Háng Đồng cũ (nay thuộc xã Tà Xùa) đi về hai hướng mỗi bên 150m	Từ cổng trụ sở UBND xã Háng Đồng cũ đi về hai hướng mỗi bên 150m
2.3	Đoạn từ ngã ba đi Xím Vàng đến cách trụ sở UBND xã Làng Chếu cũ (nay thuộc xã Tà Xùa) 200m	Đoạn từ ngã ba đi Xím Vàng đến cách trụ sở UBND xã Làng Chếu cũ 200m
2.6	Đoạn từ ngã ba đi UBND xã Làng Chếu cũ (nay thuộc xã Tà Xùa) đến hết bản Cáo B theo Tỉnh lộ 112	Đoạn từ ngã ba đi UBND xã Làng Chếu cũ đến hết bản Cáo B theo Tỉnh lộ 112
2.10	Từ đường tiểu học Làng Chếu đến trung tâm bản trang Dưa Hang (khu 1,2)	Từ trường tiểu học Làng Chếu đến trung tâm bản Trang Dưa Hang cũ (bản Làng Cao)
5.27	Xã Tạ Khoa	
1	Tuyến dọc quốc lộ 37	
1.1	Đoạn cầu Tạ Khom đến Pom Đôn	Đoạn cầu Tạ Khoa đến Pom Đôn
1.3	Từ cầu Suối Pót +300m đến ngã ba bản Cái Khé	Từ cầu Suối Pót +300m đến ngã ba bản Cây Khé
1.4	Từ đỉnh đèo Chẹn đến ngã ba bản Cái Khé	Từ đỉnh đèo Chẹn đến ngã ba bản Cây Khé
5.29	Xã Pắc Ngà	
1	Các đường khu vực xã Pắc Ngà, xã Chim Vàn cũ (nay thuộc xã Pắc Ngà)	
1.1	Đoạn từ cổng chào bản Bước (1) vào trung tâm xã đến đường rẽ vào Trường Mầm non Hướng Dương theo hướng bản Ảng	Đoạn từ cổng chào bản Bước (1) vào trung tâm xã đến đường rẽ vào Trường Mầm non Pắc Ngà theo hướng bản Sài Ảng
-	Đoạn từ đường rẽ vào trường Mầm non Hướng Dương đến Suối Ngà bản Bước theo hướng đi bản Ảng	Đoạn từ đường rẽ vào trường Mầm non Pắc Ngà đến Suối Ngà bản Bước theo hướng đi bản Sài Ảng
-	Đoạn Từ Suối Ngà bản Bước đến nhà ông Uồn bản Ảng	Đoạn Từ Suối Ngà bản Bước đến nhà ông Uồn bản Sài Ảng
-	Đoạn từ nhà ông Uồn bản Ảng đến suối Tà Đông bản Nà Sài	Đoạn từ nhà ông Uồn bản Ảng đến suối Tà Đông bản Sài Ảng
1.3	Đoạn từ nhà ông Khoán đến cổng chào bản Nà Tiến (đầu cầu Suối Chim)	Đoạn từ nhà ông Khoán đến cổng chào bản Thượng Tiến (đầu cầu Suối Chim)
1.8	Đoạn từ ngã ba trụ sở Công an xã đến nhà ông Giang theo hướng tỉnh lộ 111	
-	Đoạn từ nhà ông Ẽn đến nhà ông Sủ bản Suối Lẹ theo hướng xã Bắc Yên	Đoạn từ nhà ông Ẽn đến nhà ông Sủ bản Suối Cải theo hướng xã Bắc Yên
-	Đoạn từ nhà ông Sủ đến ông Ừ bản Suối Lẹ theo hướng xã Bắc Yên	Đoạn từ nhà ông Sủ đến ông Ừ bản Suối Cải theo hướng xã Bắc Yên
-	Đoạn từ ông Ừ bản Suối Lẹ đến nhà ông Quang bản Suối Cải theo hướng xã Bắc Yên	Đoạn từ ông Ừ bản Suối Cải đến nhà ông Quang bản Suối Cải theo hướng xã Bắc Yên

	Tên tuyến đường theo Nghị quyết số 152/2025/NQ-HĐND	Tên tuyến đường sau điều chỉnh
5.31	Xã Phù Yên	
28	Đất ở nông thôn còn lại tại địa bàn xã Phù Yên	
28.1	Các tuyến đường trên địa bàn bản Sáy Tú, Núi Hồng, Suối Pai, Suối Nhúng, Suối Cù (trừ khu vực đã quy định giá đất)	Các tuyến đường đối với các bản còn lại trên địa bàn xã Phù Yên (trừ khu vực đã quy định giá đất)
28.2	Các tuyến đường đối với các bản còn lại trên địa bàn xã Phù Yên (trừ khu vực đã quy định giá đất)	Các tuyến đường trên địa bàn bản Sáy Tú, Núi Hồng, Suối Pai, Suối Nhúng, Suối Cù (trừ khu vực đã quy định giá đất)
5.32	Xã Gia Phù	
1	Khu vực trung tâm xã Gia Phù, xã Tường Phù, xã Suối Bau cũ (nay thuộc xã Tường Phù)	Khu vực trung tâm xã Gia Phù, xã Tường Phù, xã Suối Bau cũ (nay thuộc xã Gia Phù)
1.1	Trung tâm ngã ba gia phù đi 3 hướng	
-	Từ mét 151 đến mét 441 (Giáp Nhà văn hóa phố Tân Lập cũ)	Từ mét 151 đến mét 441 (Giáp Trạm Y tế)
-	Từ nhà ông Thịnh Toan đến cầu suối Hiền (bản Nhọt)	Từ nhà ông Thịnh Toan (Bản Gia Phù) đến cầu suối Hồng Cà (Bản Tạo)
5.33	Xã Tường Hạ	
1	Trung tâm xã Tường Hạ, xã Tường Thượng cũ (nay thuộc xã Tường Hạ)	
1.2	Trụ sở UBND xã Tường Hạ đến cầu bản Cóc 1	Trụ sở UBND xã Tường Hạ đến Trụ sở công an xã Tường Hạ
1.4	Trụ sở UBND xã Tường Thượng cũ (nay thuộc xã Tường Hạ) hướng đi Vạn Yên đến hết ngã ba rẽ bản Chuợp (giáp cánh đồng)	Trụ sở UBND xã Tường Thượng cũ (nay thuộc xã Tường Hạ) hướng đi Vạn Yên đến hết ngã ba rẽ bản Tường Thượng (giáp cánh đồng)
5.39	Xã Chiềng Hặc	
2	Tuyến đường Chiềng Khoi - Phiêng Khoài	Tuyến đường liên xã Chiềng Hặc - Mường Lựm - Tân Lập
3	Trung tâm xã Chiềng Hặc, xã Tú Nang cũ (nay thuộc xã Chiềng Hặc)	
3.2	Từ cổng cây xăng Thắng Thủy đến qua cổng UBND xã Chiềng Hặc 500m (dọc Quốc lộ 6)	Từ cổng cây xăng Thắng Thủy đến qua cổng UBND xã Chiềng Hặc 200m (dọc Quốc lộ 6)
3.3	Từ UBND xã Chiềng Hặc 100m (dọc theo Quốc lộ 6) đến cầu Nà Ngà 1	Từ UBND xã Chiềng Hặc 200m (dọc theo Quốc lộ 6) đến qua cầu Huổi Mong 50m
3.4	Từ ngã ba Quốc lộ 6 đi Nà Khoang đến Cầu đi bản Tin Tốc	Từ nhà văn hóa bản Cung Giao Thông Đông Khùa cũ đến trụ sở UBND xã Tú Nang cũ
3.5	Từ cầu đi bản Tin Tốc đến qua ngã ba Quốc lộ 6 đi Chiềng Ban 100m (đến cổng thoát nước) hướng đi Hà Nội.	Từ cầu đi bản Cổ Nông đến qua ngã ba Quốc lộ 6 đi Chiềng Ban 100m (đến cổng thoát nước) hướng đi Hà Nội.
3.9	Từ đường rẽ cầu treo bản Suối Phà dọc theo Quốc lộ 6 đi hướng Hà Nội 1000m, hướng đi Sơn La qua nhà văn hóa bản Suối Bùn 300m	Từ đường rẽ cầu treo bản Suối Phà dọc theo Quốc lộ 6 đi hướng Hà Nội 1000m, hướng đi Sơn La qua nhà văn hóa bản Suối Phà 300m
5	Tuyến đường nông thôn còn lại xã Chiềng Hặc	
-	Trung tâm xã Mường Lựm cũ (nay thuộc xã Chiềng Hặc): Từ đầu đập hồ mường lựm tới UBND xã Mường Lựm	Trung tâm xã Mường Lựm cũ (nay thuộc xã Chiềng Hặc): Từ đầu đập hồ Mường Lựm tới UBND xã Mường Lựm cũ
5.42	Xã Chiềng Mai	
3	Trục đường giao thông chính, khu dân cư	

	Tên tuyến đường theo Nghị quyết số 152/2025/NQ-HĐND	Tên tuyến đường sau điều chỉnh
3.1	Từ ao cạn địa phận xã Chiềng Ban cũ (bản Hợp 3 Văn Tiên) đến hết địa phận xã Chiềng Mai (đoạn tuyến tránh QL 6 từ Km 293 + 470 đến Km 295 + 860)	Đường Quốc lộ 6
5.43	Xã Mai Sơn	
3.4	Đường Cà Văn Khum	
-	Đường Hát Lót - Tà Hộc đến ngã ba Viện Lao + 400 m (hết ranh xã Mai Sơn)	Từ ngã tư nông trường + 450 m (Đường Hát Lót - Tà Hộc) đến ngã ba Viện Lao + 400 m (hết ranh giới xã Mai Sơn)
5.45	Xã Chiềng Mung	
3	Đường Hát Lót - Chiềng Mung	Đường Hát Lót - Chiềng Mung
-	Từ giáp địa phận xã Mai Sơn đến hết xã Chiềng Mung	Từ ngã ba chợ Chiềng Mung đến ngã ba Bản Xum (đường Hát Lót - Chiềng Mung)
4	Đường tỉnh lộ 118	Đường Hát Lót - Chiềng Mung
-	Từ ngã ba chợ Chiềng Mung đến ngã ba Bản Xum (đường Hát Lót - Chiềng Mung)	Từ giáp địa phận xã Mai Sơn đến hết xã Chiềng Mung
5.48	Xã Tà Hộc	
1	Đường Hát Lót - Tà Hộc (Tỉnh lộ 110)	
1.3	Từ nhà ông chuyên Huệ (đường rẽ vào bản Bó Đuôi) +20m đến hết địa phận xã Tà Hộc	Từ nhà ông chuyên Huệ (đường rẽ vào bản Bó Đuôi) +20m đến mỏ đá bazan (km số 13)
1.4	Từ hết địa phận bản Cáp Na đến Càng Tà Hộc	Từ mỏ đá bazan (km số 13) đến càng Tà Hộc
2	Đường Chiềng Sung (Tỉnh lộ 109)	Đường đi xã Chiềng Sung (Tỉnh lộ 110)
5.51	Xã Chiềng Khương	
2	Khu trung tâm xã Chiềng Khương, xã Mường Sại cũ (nay thuộc xã Chiềng Khương)	Khu trung tâm xã Chiềng Khương, xã Mường Sại cũ (Nay thuộc xã Chiềng Khương)
2.2	Từ hết đất nhà ông Quảng Văn Ngoãn đến hết đất bản Tiên Chung (hướng đi Sông Mã)	Từ hết đất nhà ông Quảng Văn Ngoãn đến hết đất bản Tiên Chung (hướng đi Sơn La)
3	Trục đường giao thông chính, khu dân cư	
3.6	Tuyến đường tuần tra biên giới từ ngã ba bản Búa đến hết đất nhà ông Quảng Văn Vui - bản Cò	Tuyến đường tuần tra biên giới từ cầu cứng bản Búa đến hết đất nhà ông Quảng Văn Vui - bản Cò
5.56	Sông Mã	
24	Trục đường giao thông chính; khu dân cư	
24.4	Đường Chu Văn An (Từ nhà ông Lương Văn Thuồng (từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến hết đất nhà ông Đỗ Ngọc Thảo)	Đường Lê Quý Đôn (Từ nhà ông Lương Văn Thuồng (từ M21 tính từ đường Cách mạng tháng 8) đến hết đất nhà ông Đỗ Ngọc Thảo)
24.13	Từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Nguyễn Tiến Dũng (số nhà 19) đến hết đất nhà ông Dương Văn Quảng	Từ vị trí tiếp giáp đất nhà ông Nguyễn Tiến Dũng (số nhà 19) đến hết đất nhà ông Xuân Lễ
5.59	Xã Sốp Cộp	
4	Các tuyến đường khu tái định cư Nà Phe (khu TT hành chính xã Sốp Cộp)	
4.3	Từ nhà văn hóa bản Sốp Cộp (cũ) đường 9,5m hướng đi khu dân cư bên phải đường đến hết đất nhà ông Lê Xuân Phú đường 9,5m hướng đi Trường Nội trú hai bên đường	Từ nhà văn hóa bản Sốp Cộp đường 9,5m hướng đi khu dân cư bên trái đường đến hết đất nhà ông Lê Xuân Phú
8	Các đoạn đường ven trung tâm xã Sốp Cộp	
8.7	Từ ngã ba nhà ông Lò Văn Chiến hướng đi Sốp Cộp đến hết đất trường cấp I+II hai bên đường	Từ ngã ba nhà ông Lò Văn Chiến hướng đi Sốp Cộp đến ngã ba đường đi hướng đi bản Tông Hùm, hai bên đường
8.8	Tuyến từ cổng giáp nhà ông Lương Văn May đến hết đất nhà ông Lò Văn Tiên hướng đi Mường Lạn hai bên đường	Tuyến từ cổng giáp nhà ông Lương Văn May đến hết đất bản Tặc Tè hướng đi Mường Lạn, hai bên đường
8.9	Từ hết đất nhà máy nước đi vào đến hết đất bản Bán Han (đường tỉnh lộ 105) Nậm Lạc cũ	Từ hết đất nhà máy nước đi vào đến hết đất bản Bán Han (đường tỉnh lộ 105), hai bên đường
5.62	Phường Chiềng An	
5	Đường Nguyên Quang Bích	Đường Bản Bó

	Tên tuyến đường theo Nghị quyết số 152/2025/NQ-HĐND	Tên tuyến đường sau điều chỉnh
5.1	Tuyến đường trong khu dân cư Tổ 4 phường Chiềng An	Đường từ giao Lò Văn Giá đến sân bóng bàn Bó
11	Các đường nhánh trên địa bàn phường	
11.5	Từ 279D vào Khu dân cư bản Panh	Từ Quốc lộ 279d vào khu dân cư đường bê tông trục chính bản Panh
11.6	Từ đường Quốc lộ 6 đến hết đất Trung tâm bản Páng xã Chiềng Đen cũ (nay thuộc phường Chiềng An)	Từ tổ 4, phường Chiềng An cũ đến hết đất trung tâm bản Páng xã Chiềng Đen cũ (nay thuộc phường Chiềng An)
5.65	Phường Mộc Châu	
3	Đường 20 - 11	
3.2	Từ ngã tư Chợ Bảo Tàng đến Ngã tư đường trục chính Đô thị - Nội thị Mộc Châu	Từ Ngã tư chợ Bảo Tàng đến hết thửa đất số 61 tờ bản đồ số 21 (Bản đồ 1999-2000)
4	Quốc lộ 43	
4.1	Từ Ngã tư đường trục chính Đô thị - Nội thị Mộc Châu đến cầu Nà Bó	Từ tiếp giáp thửa đất số 61 tờ bản đồ số 21 (Bản đồ 1999-2000) đến cầu Nà Bó
9	Khu đất đấu giá, tái định cư	
9.1	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới, phường Mộc Châu (Quy hoạch 17,5m)	Tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới, phường Mộc Châu (Quy hoạch 17,5m)
9.2	Tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới, phường Mộc Châu (Quy hoạch 11,5m)	Tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới, phường Mộc Châu (Quy hoạch 15,5m)
9.3	Tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới, phường Mộc Châu (Quy hoạch 34,5m)	Tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới, phường Mộc Châu (Quy hoạch 21,5m)
9.4	Tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới, phường Mộc Châu (Quy hoạch 21,5m)	Tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới, phường Mộc Châu (Quy hoạch 34,5m)
9.5	Tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới, phường Mộc Châu (Quy hoạch 15,5m)	Tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới, phường Mộc Châu (Quy hoạch 13,5m)
9.6	Tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới, phường Mộc Châu (Quy hoạch 13,5m)	Tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới, phường Mộc Châu (Quy hoạch 11,5m)
5.66	Phường Mộc Sơn	
9	Khu vực trung tâm phường Đông Sang cũ (nay thuộc phường Mộc Sơn)	
9.1	Từ ngã 3 tổ dân phố 34 đến hết đường rẽ vào Đồi Gió	Từ số nhà 162 (thửa đất 151 tờ số 36) đến hết đường rẽ vào Đồi Gió
5.68	Phường Thảo Nguyên	
5	Phố Tô Vĩnh Diện	
-	Từ ngã 3 Nhà máy sữa đến Bia tường niệm, tổ dân phố 19/5	Từ ngã 3 xưởng chế biến thức ăn gia súc đến hết đất phường Thảo Nguyên
5.69	Xã Mường Lạn	
1	Trục đường giao thông chính; khu dân cư	
1.3	Từ hết đất trụ sở UBND xã đến ngã ba đi bản Cống, Nà Khi đến hết đất nhà ông Lò Văn Tuấn hướng bản Cống và 500m hướng đi Nà Khi hai bên đường	Từ hết đất trụ sở UBND xã đến nhà ông Vi Văn Páng hướng bản Cống và hướng đi Nà Khi đến nhà Quảng Thị Hòa hai bên đường
5.70	Xã Phiêng Khoài	
2	Trung tâm xã Phiêng Khoài	
2.4	Từ tiếp giáp đất cây xăng Đức Cường đến đường đi vào nhà ông Hùng vào bản Kim Chung 2 (Trừ khu vực đã có giá)	Từ tiếp giáp đất cây xăng Đức Cường đến đường đi vào nhà ông Hùng vào thôn Kim Chung 2 (Trừ khu vực đã có giá)
2.5	Từ tiếp giáp đất đường đi vào nhà ông Hùng vào bản Kim Chung 2 hướng đi Hang Mon 1.000m	Từ tiếp giáp đất đường đi vào nhà ông Hùng vào thôn Kim Chung 2 hướng đi Hang Mon 1.000m

	Tên tuyến đường theo Nghị quyết số 152/2025/NQ-HĐND	Tên tuyến đường sau điều chỉnh
2.9	Từ bản Kim Chung đến hết địa phận bản Quỳnh Chung	Từ thôn Kim Chung 2 đến hết địa phận bản Quỳnh Chung (cũ)
2.10	Từ nhà văn hóa bản Kim Chung đến trường THCS Phiêng Khoài	Từ nhà văn hóa thôn Kim Chung 2 đến trường THCS Phiêng Khoài giáp Quốc lộ 6C
2.11	Điểm đường Tạ Eng từ nhà ông Vi Văn Vầu đến Trường Tiểu học Lao Khô (điểm trường Tạ Eng)	Điểm đường Tà Ẽn (cũ) từ nhà ông Vi Văn Vầu đến Trường Tiểu học Lao Khô (điểm trường Tà Ẽn)
5.75	Xã Mường Lèo	
1	Trục đường 105	
1.1	Đoạn từ nhà ông Quảng Văn Quân đến hết nhà ông Lò Văn Toàn (bản Mạt) hai bên đường	Đoạn từ nhà ông Lò Văn Thiết đến hết nhà ông Lò Văn Chung (bản Mạt) hai bên đường
1.2	Đoạn từ nhà ông Lường Văn Phong (bản Mạt) đến nhà ông Lường Văn Cương (bản Mạt)	Đoạn từ nhà ông Lường Văn Phong (bản Mạt) đến nhà bà Lò Thị Thoại (bản Mạt)
1.5	Đoạn Lò Văn Minh (Bản Pùn) khu đất nghĩa địa 2 bên đường đi xã Púng Bính	Đoạn từ đất nhà ông Lò Văn Minh đến hết đất nhà ông Lò Văn Tới (Bản Năm Pùn) hướng đi bản Chăm Hỳ (cũ) hai bên đường
2	Đất các khu dân cư ven trục giao thông chính trên địa bàn xã Mường Lèo (trừ khu vực đã quy định giá đất)	Các tuyến đường còn lại đi các bản trên địa bàn xã (trừ khu vực đã quy định giá đất)



PHỤ LỤC 05: BÃI BỎ TÊN TUYẾN ĐƯỜNG

(Kèm theo Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 19/10/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên tuyến đường theo Nghị quyết số 152/2025/NQ-HĐND
5.1	Xã Đoàn Kết
1	Quốc lộ 43 từ bản Muống Phiêng Luông đến Bến phà Vạn Yên
1.4	Từ Km 46+800 theo Quốc lộ 43 đến Nhà văn hóa bản Đoàn Kết
1.6	Từ hết đất nhà ông Thoan Bích (bản Đoàn Kết) theo Quốc lộ 43 đến hết đất nhà ông Mùi Văn Hòa (bản Kè Tèo)
5.5	Xã Song Khũa
3	Đất các khu dân cư ven trục giao thông chính trên địa bàn xã Song Khũa (trừ khu vực đã quy định giá đất)
5.6	Xã Tô Múa
4.2	Từ đường rẽ Liên Hưng đến bản Sỏi đến ngã 3 bản Âm
5.9	Xã Mường Chiên
2	Trục đường chính
2.8	Từ chân dốc Đông Hiêm (Nhà bà Hoàng Thị Tiển) đến nhà văn hóa bản Nậm Tấu
5.12	Xã Thuận Châu
15	Từ ngã 3 Quốc lộ 6 hướng đi Sơn La (hai bên đường)
15.3	Từ hết Km 327+300m (từ giáp đất nhà ông Nhả Loan Tiểu khu 1 Tông Lạnh) đến Km 327+220m (Đến hết cây xăng dầu Lương Thực Tiểu khu 1)
17	Trung tâm ngã ba đường Quốc lộ 6 hướng đi Thuận Châu
17.4	Từ đất ao Quốc phòng đến hết đất quán ăn Hương Rừng
5.13	Xã Chiềng La
4	Các đường nhánh nối với Quốc lộ 6B
4.1	Từ đất nhà ông Lò Văn Xôm (trừ lô đất giáp QL6B) đến đất ông Quảng Văn Đoàn 1km
4.7	Từ Quốc lộ 6 đến nhà ông Phương 0,3 km
5.19	Xã Mường É
1	Khu dân cư Bản Ái Khôm, xã Mường É
2	Trục đường giao thông chính, khu dân cư
2.1	Khu đất thuộc bản Kẹ xã Mường É (Trụ sở UBND xã Phông lập cũ trước chưa xây dựng trụ sở mới tại bản Lấp)
2.2	Khu đất thuộc bản Chiềng Ve, xã Mường É (Trụ sở UBND xã Mường É cũ)
3	Đất các khu dân cư ven trục giao thông chính trên địa bàn xã Mường É (trừ khu vực đã quy định giá đất)
5.21	Xã Mường La
15	Trung tâm xã Pi Toong, xã Chiềng San, xã Nậm Păm, xã Mường Trai, xã Chiềng Muôn cũ (nay thuộc xã Mường La)
15.2	Đường từ cổng Trường THCS Pi Toong đi các hướng 300m
15.3	Đường từ đầu bản Lâm đi đến cầu Suối Chiến, bản Chiến
5.26	Xã Tà Xùa
2	Các đường khu vực xã Háng Đồng, xã Làng Chếu cũ (nay thuộc xã Tà Xùa)
2.11	Từ ngã ba bản Suối Vàng đến bản Chim Púa
5.38	Xã Yên Châu
5	Tuyến đường Chiềng Khoi - Phiêng Khoài

STT	Tên tuyến đường theo Nghị quyết số 152/2025/NQ-HĐND
5.3	Tuyến đường Mường Lựm, Yên Châu - Tân Lập, Mộc Châu (địa phận xã Yên Châu)
5.44	Xã Phiêng Pản
3	Trục đường giao thông chính, khu dân cư
3.3	Đoạn đường từ Quốc lộ 37 ra Quốc lộ 6 cũ (giáp bà Nga)
5.51	Xã Chiềng Khương
3	Trục đường giao thông chính, khu dân cư
3.13	Từ trường Trung học Chiềng Khương đến cây xăng Chiềng Khương
5.59	Xã Sốp Cộp
1	Đường trung tâm xã Sốp Cộp
1.22	Tuyến D5 (từ mét 20 đất nhà ông Tòng Văn Tiễn đến đất ông Vũ Văn Thắng) hướng đi D45 theo quy hoạch đường 9,5m hai bên đường
5.62	Phường Chiềng An
2	Đường Bản Bó
-	Đường bản Bó (từ giao đường Lò Văn Giá đến cổng nước Bản Bó)
7	Quốc lộ 279D
7.2	Từ Quốc lộ 279D vào khu dân cư bản Pánh
11	Các đường nhánh trên địa bàn phường
11.7	Đoạn từ Quốc lộ 6 đến điểm Tái định cư Quỳnh Phố cũ
11.8	Đoạn từ bản Quỳnh Phố cũ đến điểm trường mầm non bản Páng
11.11	Từ ngã 3 Quốc lộ 6 đến tổ 4, Phường Chiềng An
5.66	Phường Mộc Sơn
8	Các tuyến đường nội thị
8.3	Đường trục chính Đô thị - Nội thị Mộc Châu (Thuộc địa phận phường Mộc Sơn)
5.69	Xã Mường Lạn
1	Trục đường giao thông chính; khu dân cư
1.4	Từ ngã 3 bản Mường Lạn đi bản Cống đến hết cuối bản Nà Vạc